

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp Dịch vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (mở rộng mọi rủi ro) cho các tài sản của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM – Cơ Sở 2 theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán⁽³⁾: **Dịch vụ bảo hiểm cháy nổ (mở rộng mọi rủi ro)**
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng⁽⁴⁾: 12 tháng
4. Loại hợp đồng⁽⁵⁾: hợp đồng trọn gói
5. Địa điểm thực hiện⁽⁶⁾: Bệnh viện ĐHYD TP HCM - Cơ sở 2
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: 06 tháng
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 08 giờ, ngày 12/04/2024
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Ban Tài chính kế toán, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 số 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP HCM

Người liên hệ: Nguyễn Ngọc Hiền Số điện thoại: 028 39555549 - 123

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);



+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban CTXH (để đăng tin);
- Lưu: VT, CS2 (L02-001-2-nnhien) (1).

TRƯỞNG CƠ SỞ



Hà Mạnh Tuấn



PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số 6134/BVĐHYD-CS2.... ngày 3... tháng 4 năm 2024)

ĐVT: VND

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
1	Khu khám chữa bệnh 201					1.847.138.000	0	184.713.800
2	Công trình xây dựng phòng XN 201	F02-0009				32.602.000	0	3.260.200
3	CT trạm biến áp 320 KVA và lưới điện hạ thế - 320KVA	A03-0001			320KVA	104.000.000	0	10.400.000
4	Công trình bể nước sinh hoạt	F03-0003		Việt Nam		157.148.354	0	15.714.835
5	Hệ thống xử lý nước thải bệnh viện, công suất 160m3	F03-0004		Việt Nam		379.298.000	0	37.929.800
6	Công trình xây dựng cầu thang bộ (201 NCT Q5)	F02-0015		Việt Nam		722.792.903	0	72.279.290
7	Máy chụp X quang - TOSHIBA - KXO-30R - 938856-Z9	B15-0018	938856-Z9	TOSHIBA/Nhật	KXO-30R	456.000.000	0	45.600.000
8	Buồng đo thính lực	B15-0021				9.240.000	0	924.000
9	Máy bơm tiêm điện siêu chính xác	B15-0119				16.852.500	0	1.685.250
10	Máy bơm tiêm điện siêu chính xác	B15-0120				16.852.500	0	1.685.250
11	Máy gây mê Soft Lander - Sharp Ei - SLW-180 - 9909008	B15-0025	9909008	Sharp Ei/Nhật	SLW-180	62.375.500	0	6.237.550
12	Máy gây mê Soft Lander - Sharp Ei - SLW-180 - 004001	B15-0026	004001	Sharp Ei/Nhật	SLW-180	62.375.500	0	6.237.550
13	Đèn mổ 2 nhánh ánh sáng lạnh (5-7 bóng) + Tủ điện điều khiển - Choongwae - CHS-7LH - LH7010018	B15-0033	LH7010018	Choongwae/Hàn Quốc	CHS-7LH	69.659.483	0	6.965.948
14	Đèn mổ 2 nhánh ánh sáng lạnh (5-7 bóng) + Tủ điện điều khiển - Choongwae - CHS-7LH - LH5000042	B15-0034	LH5000042	Choongwae/Hàn Quốc	CHS-7LH	69.659.483	0	6.965.948
15	Đèn mổ 2 nhánh ánh sáng lạnh (5-7 bóng) + Tủ điện điều khiển - Choongwae - CHS-5LH - 40056	B15-0035	40056	Choongwae/Hàn Quốc	CHS-5LH	69.659.483	0	6.965.948
16	Máy gây mê Soft Lander - Sharp Shin - Ei - SLW-180 - 102014	B15-0036	102014	Sharp Shin - Ei/Nhật	SLW-180	82.150.000	0	8.215.000
17	Máy phát điện 210 KVA - Mitsubishi - 210KVA - P1518	A02-0001	P1518	Mitsubishi/Nhật	210KVA	459.690.000	0	45.969.000
18	Máy siêu âm Sonopuls 590 (+ 2 Đầu dò 1MHz; + 1 Đầu dò 3MHz) - Enraf - Nonius - Sonopuls 590 - 17685	B15-0042	17685	Enraf - Nonius / Hà Lan	Sonopuls 590	56.240.000	0	5.624.000
19	Máy khám mắt Topcon SL-1E (gồm kính hiển vi, nguồn, xe đẩy) - TOPCOM - SL-1E - 1109266	B15-0045	1109266	TOPCOM/Nhật	SL-1E	67.988.497	0	6.798.850
20	Thanh nâng 350Kg (ben)	D07-0002				13.650.000	0	1.365.000
21	Kính hiển vi phẫu thuật - KARL KAPS - SOM-62 - 6651	B15-0047	6651	KARL KAPS/Đức	SOM-62	197.442.000	0	19.744.200
22	Máy giúp thở Lotus Ventilator - Shin Ei - SS - 1200 - 0309013U	B15-0049	0309013U	Shin Ei/Nhật	SS - 1200	99.500.000	0	9.950.000
23	Máy giúp thở Lotus Ventilator - Shin Ei - SS - 1200 - 0309015U	B15-0050	0309015U	Shin Ei/Nhật	SS - 1200	99.500.000	0	9.950.000
24	Đầu Video TVC JVC - JVC - SR-VS30U	B16-0026		JVC/Nhật	SR-VS30U	26.605.000	0	2.660.500
25	Bộ Camera Olympus, Viseva OTV-R7, digital processor (có Đầu Camera nội soi) - OLYMPUS OPTICAL - OTV - S7H - 1D - A3293 - 7355097	B15-0052	7355097	OLYMPUS OPTICAL/Nhật	OTV - S7H - 1D - A3293	97.940.000	0	9.794.000
26	Nguồn sáng máy nội soi - Olympus - CLH-250 - 7333972	B15-0053	7333972	Olympus/ Malaysia	CLH-250	91.525.000	0	9.152.500
27	Kính hiển vi 2 mắt, 4 vật kính - OLYMPUS - CX21 - 3M00870	B15-0056	3M00870	OLYMPUS/ Trung Quốc	CX21	15.750.000	0	1.575.000
28	Máy ly tâm Hettich 68 ống - HETTICH - ROTOFIX 32 - 0010357-01-00	B15-0057	0010357-01-00	HETTICH/Đức	ROTOFIX 32	36.000.000	0	3.600.000
29	Máy gây mê Soft Lander - Sharp Ei - SLW-180 - 0406011U	B15-0060	0406011U	Sharp Ei/Nhật	SLW-180	75.810.000	0	7.581.000
30	Máy giúp thở Ventilator - Shin Ei - SS - 1200 - 0705003U	B15-0061	0705003U	Sharp Ei/Nhật	SS - 1200	78.960.000	0	7.896.000
31	Bàn mổ đa năng thủy lực tay quay - Chongwae - CHS-790	B15-0064		Chongwae/Hàn Quốc	CHS-790	82.740.000	0	8.274.000
32	Lồng ấp sơ sinh OHMEDA + Kệ đẩy 2 cánh, 2 ngăn (150 x 55 x 170) cm - DATEX - OHMEDA - CARE PLUS 2000 - 6600-0275-901	B15-0066	6600-0275-901	DATEX - OHMEDA/Mỹ	CARE PLUS 2000	124.200.000	0	12.420.000
33	Đèn mổ treo trần 2 nhánh AS lạnh + Tủ điện điều khiển - Chongwae - CHS-5LH 7 - LH5010012	B15-0067	LH5010012	Chongwae/Hàn Quốc	CHS-5LH 7	97.335.000	0	9.733.500
34	Máy cắt đốt cao tần Bovie - Bovie - IDS-300 - BV1504005	B15-0070	BV1504005	Bovie/ Mỹ	IDS-300	99.750.000	0	9.975.000
35	Máy đo độ bão hòa Oxy OHMEDA (Oxymeter) - Datex - Ohmeda - 3800 - FBFD03147	B15-0072	FBFD03147	Datex - Ohmeda/Mỹ	3800	63.200.000	0	6.320.000
36	Máy đo độ bão hòa Oxy OHMEDA (Oxymeter) - Datex - Ohmeda - 3800 - FBXH10474	B15-0073	FBXH10474	Datex - Ohmeda/Mỹ	3800	63.200.000	0	6.320.000
37	Bàn mổ đa năng thủy lực - Jin sol - JS-001	B15-0075		Jin sol/Hàn Quốc	JS-001	77.280.000	0	7.728.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
38	Nguồn sáng nội soi XENON GL-350D, - HANGZHOU - GL-350D - 050582	B15-0077	050582	HANGZHOUT/rung Quốc	GL-350D	29.192.500	0	2.919.250
39	Máy monitor Corometrics 170 series - GE - Corometrics 172 - SAS05465621PA	B15-0084	SAS05465621PA	GE/Mỹ	Corometrics 172	98.440.000	0	9.844.000
40	Kính hiển vi 4 vật kính, 2 thị kính Humascope - Human - Humanscope - 101262	B15-0085	101262	HumanĐức	Humanscope	15.000.000	0	1.500.000
41	Máy bơm tiêm tự động Syringe Pump - TOP - TOP-5300 - BM19586E	B15-0089	BM19586E	TOP/Nhật	TOP-5300	14.850.000	0	1.485.000
42	SERVER IBM System x3400 Demsey (797514A) Intel Xeon Dual Core 5050 3.0 GHz/667 MHz 2x2MB L2, DDR2 PC2-5300,ATI RN 50 (ES1000) 16MB DDR - IBM	B16-0031		IBM/Trung Quốc		128.480.250	0	12.848.025
43	Máy Monitor COROMETRIC 170 series - GE - COROMETRIC 172 - SAS 07300192PA	B15-0091	SAS 07300192PA	GE/Mỹ	COROMETRIC 172	98.440.000	0	9.844.000
44	Máy giúp thở Ventilator - Shin Ei - SS - 1200 - 4060074	B15-0092	4060074	Shin Ei/Nhật	SS - 1200	78.000.000	0	7.800.000
45	Thang máy vận chuyển OTIS Gien 201 NCT - OTIS	D07-0004		OTIS/Nhật		968.248.600	0	96.824.860
46	Bàn mổ đa năng thủy lực - JinSol - JS 001 - JS001634945	B15-0095	JS001634945	JinSol/Hàn Quốc	JS 001	76.440.000	0	7.644.000
47	Bàn mổ đa năng thủy lực - JinSol - JS 001	B15-0093		JinSol/Hàn Quốc	JS 001	76.440.000	0	7.644.000
48	Bàn mổ đa năng thủy lực - Jin sol - JS 001	B15-0094		JinSol/Hàn Quốc	JS 001	76.440.000	0	7.644.000
49	Máy đo độ bão hoà Oxy trong máu OXCYON - INFINIUM - OXCYON - OA008A0068	B15-0098	OA008A0068	HILLMED/Mỹ	OXCYON	23.500.000	0	2.350.000
50	Hệ thống nội soi (Bộ Nguồn Sáng + Camera VH7) (Ong NS 004mm, 7006mm, dây dẫn sáng 1,8mx5mm) - Cty Hải Vân - VH7	B15-0104		Cty Hải Vân/Việt Nam	VH7	46.473.000	0	4.647.300
51	Nồi hấp ướt tiệt trùng điện 196 lít - GEMMY - TC-500 801870-097500-D3	B15-0105	801870-097500-D3	GEMMY/Đài Loan	TC-500	114.975.000	0	11.497.500
52	Máy phun sương tự động AEROSEPT - ANIOS - 100VF - A1V2917	B15-0106	A1V2917	ANIOS/Pháp	100VF	73.432.500	0	7.343.250
53	Hệ thống phân tích Ion đồ ELESTROLYTE ANALYZER W/O - ROCHE - 9180 - 16407	B15-0108	16407	ROCHE/ÁO	9180	140.254.000	0	14.025.400
54	Máy sốc tim tạo nhịp lượng pha - NIHON KOHDEN - TEC-5531K - 03998	B15-0109	03998	NIHON KOHDEN/Nhật	TEC-5531K	113.400.000	0	11.340.000
55	MÁY SERVER IBM X3650 (- 2xCPU: Quad core Intel Xeon processor E5420 2,5Ghz/1.333Mhz/2x6MB L2 Cache; - Memory 6GB (6x1GB) PC5300 FBD DDR2 - 667MHz; - Video Ram: ATIES 1000, 16MB; - HDD3.5": 4x146GB 15K Support SAS/SATA; - Network: Dual 10/100/1000 Gigabit - IBM - X3650	B16-0038		IBM/Trung Quốc	X3650	114.052.500	0	11.405.250
56	Bộ lưu điện UPS Stantak 3KVA - Sntak - C3KVA - 10907010411000000	B16-0039	10907010411000000	Sntak/Trung Quốc	C3KVA	17.462.500	0	1.746.250
57	Hệ thống nội soi tai mũi họng (- Monitor (AH14F0927B004); - Nguồn sáng lạnh CT-300 (A10061038); - Camera nội soi (11DG3000036)) - Gyeongbok - CT-300 - AH14F0927B004	B15-0113	AH14F0927B004	Gyeongbok/Hàn Quốc	CT-300	140.850.000	0	14.085.000
58	Hệ thống nội soi tai mũi họng (- Nguồn sáng lạnh CT-300) - Gyeongbok - CT-300 - AH14F0927B005	B15-0114	AH14F0927B005	Gyeongbok/Hàn Quốc	CT-300	140.850.000	0	14.085.000
59	Máy Siêu âm trắng đen 2 đầu dò (- Máy chính màn hình LCD 17" (2010040617); - Đầu dò Convex CA 1421 (10195165); - Đầu dò Linear L10-5 (10085130); - Máy in nhiệt trắng đen SONY (170318); -Bộ lưu điện Santak (100507-6161-0623)) - Esaote - MYLAB 15 - 10239025	B15-0115	10239025	Esaote/Hà Lan	MYLAB 15	342.500.000	0	34.250.000
60	Máy Siêu âm trắng đen 2 đầu dò (- Máy chính màn hình LCD 17" (2010040685); - Đầu dò Convex CA 1421 (10195160); - Đầu dò Linear L10-5 (10085131); - Máy in nhiệt trắng đen SONY (170281); -Bộ lưu điện Santak (100507-6245-00)) - Esaote - MYLAB 15 - 10239026	B15-0116	10239026	Esaote/Hà Lan	MYLAB 15	342.500.000	0	34.250.000
61	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E119812	B18-0027	E119812	Daikin/Thái Lan	FTE50FVM	12.675.132	0	1.267.513
62	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E119716	B18-0028	E119716	Daikin/Thái Lan	FTE50FVM	12.675.132	0	1.267.513
63	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123524	B18-0029	E123524	Daikin/Thái Lan	FTE50FVM	12.675.132	0	1.267.513
64	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123449	B18-0030	E123449	Daikin/Thái Lan	FTE50FVM	12.675.132	0	1.267.513
65	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123468	B18-0031	E123468	Daikin/Thái Lan	FTE50FVM	12.675.132	0	1.267.513
66	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123528	B18-0032	E123528	Daikin/Thái Lan	FTE50FVM	12.675.132	0	1.267.513
67	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123485	B18-0033	E123485	Daikin/Thái Lan	FTE50FVM	12.675.132	0	1.267.513
68	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123440	B18-0034	E123440	Daikin/Thái Lan	FTE50FVM	12.675.132	0	1.267.513
69	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123444	B18-0035	E123444	Daikin/Thái Lan	FTE50FVM	12.675.132	0	1.267.513
70	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123518	B18-0036	E123518	Daikin/Thái Lan	FTE50FVM	12.675.132	0	1.267.513
71	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - LG - F18CN - 003HASR00238	B18-0037	003HASR00238	LG/Thái Lan	F18CN	10.700.000	0	1.070.000
72	Nồi hấp tiệt trùng điện - STURDY - SA-252F - 005076	B18-0038	005076	STURDY/Đài Loan	SA-252F	39.600.000	0	3.960.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
73	Kính hiển vi 2 mắt Olympus CX21 - Olympus - CX21	B15-0124		Olympus/Philippines	CX21	25.300.000	0	2.530.000
74	Máy kim châm tự động Tri-M - TRI-M - TMW110-KA0500N10 - TM320109130761	B15-0125	TM320109130761	TRI-M/Hàn Quốc	TMW110-KA0500N10	22.638.000	0	2.263.800
75	Máy điện di cao cấp Aqua Mesoderm - SENSOL - AQUA MESODERM - 090149	B15-0126	090149	SENSOL/Italya	AQUA MESODERM	170.940.000	0	17.094.000
76	Máy LED trị liệu da SK8 - GUANGZHOU BECO - SK8 - 10B48451	B15-0127	10B48451	GUANGZHOU BECO/Trung Quốc	SK8	80.750.000	0	8.075.000
77	Ống nội soi tai mũi họng - XEROK	B15-0128		XEROK/Trung Quốc		29.920.000	0	2.992.000
78	Ống nội soi tai mũi họng - XEROK	B15-0129		XEROK/Trung Quốc		29.920.000	0	2.992.000
79	Máy vi tính Server IBM System X3650M3 Six-Core E5680 3.33GH/12GBz - IBM - System X3650M3 Six-Core E5680	B16-0047		IBM/Trung Quốc	System X3650M3 Six-Core E5680	132.720.000	0	13.272.000
80	Máy In nhiệt Siêu âm - SONY - UP-897MD - 216199	B16-0046	216199	SONY/Nhật	UP-897MD	17.490.000	0	1.749.000
81	Máy Laser CO2 FACTIONAL - FACTIONAL - KLCO2 LASER FACTIONAL - KLC 40005206	B15-0130	KLC 40005206	FACTIONAL/Trung Quốc	KLCO2 LASER FACTIONAL	280.000.000	0	28.000.000
82	Máy In Nhiệt siêu âm trắng đen UP-879MD - SONY - UP-879MD - 207822	B16-0048	207822	SONY/Nhật	UP-879MD	17.750.000	0	1.775.000
83	Máy In Nhiệt siêu âm trắng đen UP-879MD - SONY - UP-879MD - 207709	B16-0049	207709	SONY/Nhật	UP-879MD	17.750.000	0	1.775.000
84	Thiết bị nội soi TMH CCD Camera - Gyeongbok - CT-300 -	B16-0050		Gyeongbok/Hàn Quốc	CT-300	26.500.000	0	2.650.000
85	Thiết bị nội soi TMH CCD Camera - Gyeongbok - CT-300 -	B16-0051		Gyeongbok/Hàn Quốc	CT-300	26.500.000	0	2.650.000
86	Máy đo điện tim 3 cần AT-1 - Schiller - AT-101 - 190.72031	B15-0134	190.72031	Schiller/Thụy Sĩ	AT-101	33.000.000	0	3.300.000
87	Máy đo điện tim 3 cần AT-1 - Schiller - AT-101 - 190.72030	B15-0135	190.72030	Schiller/Thụy Sĩ	AT-101	33.000.000	0	3.300.000
88	Máy Photocopy Bizhub 283 - KONICA MINOLTA - Bizhub 283 - A1UFO41008724	B16-0052	A1UFO41008724	KONICA MINOLTA/Nhật	Bizhub 283	87.360.000	0	8.736.000
89	Bàn khám tai mũi họng - Việt Nam	B15-0143		Việt Nam/Việt Nam		29.890.000	0	2.989.000
90	Máy Photocopy Bizhub 164 - KONICA MINOLTA - Bizhub 164 - AOXX041006852	B16-0053	AOXX041006852	KONICA MINOLTA/Trung Quốc	Bizhub 164	26.595.800	0	2.659.580
91	Máy In nhiệt siêu âm UP-897MD - SONY - AOXX041006852 - 224599	B16-0054	224599	SONY/Trung Quốc	AOXX041006852	18.800.000	0	1.880.000
92	Máy ly tâm - HETTICH - ROTOFIX 32A - 0015907	B15-0146	0015907	HETTICH/Đức	ROTOFIX 32A	72.000.000	0	7.200.000
93	CPU IBM Xeon 6C X5680 cho máy Server - Costa Rica - X356M3 - 9905079	B16-0055	9905079	Costa Rica	X356M3	64.211.000	0	6.421.100
94	Máy In HP Laser P2055 - HP - P2055DM - VMC3T28910	B16-0056	VMC3T28910	HP/ Trung Quốc	P2055DM	11.500.000	0	1.150.000
95	Hệ thống Xquang số hoá - FUJIFILM - DRYPIX 4000-16726751	B15-0147	16726751	FUJIFILM/Nhật	DRYPIX 4000	1.790.000.000	0	179.000.000
96	Hệ Thống Nội Soi Video da dây - OLYMPUS- CV180-CLV180 - 7112332	B15-0148	7112332	OLYMPUS/Nhật	CV180-CLV180	1.100.400.000	0	110.040.000
97	Máy siêu âm đen trắng kỹ thuật 3 đầu dò - SIEMEN - ACUSON X150 - 332803	B15-0149	332803	SIEMEN/ Mỹ	ACUSON X150	430.000.000	0	43.000.000
98	Máy siêu âm đen trắng kỹ thuật 3 đầu dò - SIEMEN - ACUSON X150 - 332804	B15-0150	332804	SIEMEN/ Mỹ	ACUSON X150	430.000.000	0	43.000.000
99	Hệ thống nội soi chẩn đoán tai mũi họng - KARL STORZ - XENON-300W - PY683174-P	B15-0151	PY683174-P	KARL STORZ/Đức	XENON-300W	498.855.000	0	49.885.500
100	Máy điều hoà nhiệt độ Mitsubishi 2 cụm 2 HP - Mitsubishi - SRK 19CK - 123803543RE	B18-0044	123803543RE	Mitsubishi/Thái Lan	SRK 19CK	12.600.000	0	1.260.000
101	MÁY SERVER X 3650M4, Xeon 6C E5-260 2.0 GHz, 2x8GB, 2x300GB	B16-0063				224.080.644	0	22.408.064
102	MÁY SERVER X 3650M4, Xeon 6C E5-260 2.0 GHz, 2x8GB, 2x300GB	B15-0205				224.080.645	0	22.408.065
103	Bộ lưu điện UPS Stantak - Santak - C2K	B16-0065		SantakSantak	C2K	16.500.000	0	1.650.000
104	Máy bơm tiêm điện siêu chính xác - Fresenius Kbi - Injectomat Agilia - 21722649	B15-0155	21722649	Fresenius Kbi/Pháp	Injectomat Agilia	22.500.000	0	2.250.000
105	Máy Monitor sản khoa theo dõi song thai - Bistos - BT-300 - AANCA0034	B15-0156	AANCA0034	Bistos/Hàn Quốc	BT-300	49.500.000	0	4.950.000
106	Máy Monitor sản khoa theo dõi song thai - Bistos - BT-300 - AANCA0034	B15-0157	AANCA0034	Bistos/Hàn Quốc	BT-300	49.500.000	0	4.950.000
107	Đèn trị vàng da Bistos BT-400 - Bistos - BT-400 - CAACB0031	B15-0158	CAACB0031	Bistos/Hàn Quốc	BT-400	33.000.000	0	3.300.000
108	Đèn trị vàng da Bistos BT-400 - Bistos - BT-400 - CAACB0035	B15-0159	CAACB0035	Bistos/Hàn Quốc	BT-400	33.000.000	0	3.300.000
109	Đèn trị vàng da Bistos BT-400 - Bistos - BT-400 - CAACB0037	B15-0160	CAACB0037	Bistos/Hàn Quốc	BT-400	33.000.000	0	3.300.000
110	Máy đo điện tim 12 kênh Cardio M - Hàn Quốc - Cardio M - EM070034	B15-0161	EM070034	Hàn Quốc	Cardio M	43.000.000	0	4.300.000
111	Tủ lạnh bảo quản Vaccine AKG377 - VESTFROST - AKG377 - 20130482376	B15-0162	20130482376	VESTFROST/Đan Mạch	AKG377	98.500.000	0	9.850.000
112	Hệ thống rửa dụng cụ vô trùng 3 vòi UV-Ozone	B15-0166		Việt Nam		99.198.000	0	9.919.800
113	Tủ lạnh bảo quản Vaccine AKG377 - VESTFROST - AKG377	B15-0167		VESTFROST/Đan Mạch	AKG377	98.500.000	0	9.850.000
114	Máy siêu âm điều trị - 2776	B15-0168			2776	54.700.000	0	5.470.000
115	Đèn trị vàng da Bistos BT-400 - Bistos - BT-400 - CAACB0031	B15-0169	CAACB0031	Bistos/Hàn Quốc	BT-400	33.000.000	0	3.300.000
116	Đèn trị vàng da Bistos BT-400 - Bistos - BT-400 - CAACB0035	B15-0170	CAACB0035	Bistos/Hàn Quốc	BT-400	33.000.000	0	3.300.000
117	Đèn trị vàng da Bistos BT-400 - Bistos - BT-400 - CAACB0037	B15-0171	CAACB0037	Bistos/Hàn Quốc	BT-400	33.000.000	0	3.300.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
118	Máy chủ IBM X3850 X5 Bundle - IBM - BIM X3850 X5 -	B16-0066		IBM/Trung Quốc	BIM X3850 X5	444.000.000	0	44.400.000
119	Máy chủ IBM X3850 X5 Bundle - IBM - BIM X3850 X5 -	B15-0206		IBM/Trung Quốc	BIM X3850 X5	444.000.000	0	44.400.000
120	Máy lạnh daikin 2 cụm 5,5 HP - Daikin - FH48PUV2V/R48PUY2V - DL: E000248; DN: E000143	B18-0053	E000248; E000143	Daikin/Thái Lan	FH48PUV2V/R48 PUY2V	46.010.800	0	4.601.080
121	Máy lạnh daikin 2 cụm 5,5 HP - Daikin - FH48PUV2V/R48PUY2V - DL: E000275; DN: E000144	B18-0054	E000275; E000144	Daikin/Thái Lan	FH48PUV2V/R48 PUY2V	46.010.800	0	4.601.080
122	Kính hiển vi có đầu quan sát 3 đường truyền CX31 - Olympus - CX 31 - 3H40258	B15-0175	3H40258	Olympus/Nhật	CX 31	146.000.000	0	14.600.000
123	Máy Photocopy Canon iR2422L - Canon - iR2422L - HWB03924	B16-0067	HWB03924	Canon/Trung Quốc	iR2422L	49.110.000	0	4.911.000
124	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân V100 (3 thông số) - GE Healthcare - CARESCAPE V100 - SH614211505SA	B15-0174	SH614211505SA	GE Healthcare/Mỹ	CARESCAPE V100	89.000.000	0	8.900.000
125	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 750E-3 (5 thông số) - Casmed - 7.50E-01 - 1346056	B15-0175	1346056	Casmed/Mỹ	7.50E-01	95.000.000	0	9.500.000
126	Máy bơm nước điện	B05-0001				50.000.000	0	5.000.000
127	Thiết bị kéo cột sống cổ, thắt lưng, ngực - Mỹ - Triton Traction Unit / 2015 - T1796	B15-0176	T1796	Mỹ	Triton Traction Unit / 2015	98.000.000	0	9.800.000
128	Giường kéo giãn cột sống cổ, lưng và ngực	B15-0177				99.000.000	0	9.900.000
129	Máy đo điện tim Schiller, AT-101 - Schiller - AT-101 - 08026812	B15-0179	08026812	Schiller/Thụy Sĩ	AT-101	49.700.000	0	4.970.000
130	Hệ thống máy kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG) - Mexico - Intellect Advanced Stim + EMG - PN: 2765CS; Sr: T2302	B15-0180	PN: 2765CS; Sr: T2302	Mexico	Intellect Advanced Stim + EMG	95.000.000	0	9.500.000
131	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số - PVM-2701 - 08270	B15-0182	08270	Nhật	PVM-2701	90.300.000	0	9.030.000
132	Máy đo SpO2 để bàn - Pogetti - PG VITA - 201509063	B15-0183	201509063	Pogetti/Italya	PG VITA	34.950.000	0	3.495.000
133	Máy đo SpO2 để bàn - Pogetti - PG VITA - 201505023	B15-0184	201505023	Pogetti/Italya	PG VITA	34.950.000	0	3.495.000
134	Máy đo SpO2 để bàn - Pogetti - PG VITA - 201509064	B15-0185	201509064	Pogetti/Italya	PG VITA	34.950.000	0	3.495.000
135	Máy đo SpO2 để bàn - Pogetti - PG VITA - 201509065	B15-0186	201509065	Pogetti/Italya	PG VITA	34.950.000	0	3.495.000
136	Máy đo khúc xạ quang học - Hàn Quốc - K5EF16BL - K5EF16BL	B15-0187	K5EF16BL	Hàn Quốc	K5EF16BL	97.900.000	0	9.790.000
137	Hệ thống nội soi tai mũi họng (monitor: Asanzo, việt nam; Canera: CGB0416009; Gyeongbok; Nguồn sáng: LGB0416009, Gyeongbok; ống soi: 0 độ 70 độ) - Gyeongbok - GB-6000 - CGB0416009; LGB0416009	B15-0188	CGB0416009; LGB0416009	Gyeongbok/Hàn Quốc	GB-6000	94.850.000	0	9.485.000
138	Máy làm nóng Paraffin bath Vật lý trị liệu - Đức - Paraffin bath - 40568	B15-0189	40568	Đức	Paraffin bath	65.000.000	0	6.500.000
139	Máy In HP Laser màu M553DN - HP - M553DN - JPBXJ37H258	B16-0070	JPBXJ37H258	HP/Trung Quốc	M553DN	30.602.000	0	3.060.200
140	Máy theo dõi sản khoa BT-350E - Bistos - BT-350E - AEG80006	B15-0190	AEG80006	Bistos/Hàn Quốc	BT-350E	30.000.000	0	3.000.000
141	Máy theo dõi sản khoa BT-350E - Bistos - BT-350E - AEG80005	B15-0191	AEG80005	Bistos/Hàn Quốc	BT-350E	30.000.000	0	3.000.000
142	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/trẻ em - GE - AESPIRE 7100 - AMXU00184	B15-0192	AMXU00184	GE/Mỹ	AESPIRE 7100	499.000.000	0	49.900.000
143	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/trẻ em - GE - AESPIRE 7100 - AMXU00215	B15-0193	AMXU00215	GE/Mỹ	AESPIRE 7100	499.000.000	0	49.900.000
144	Thiết bị laser CO2 xung điện phẫu thuật và làm đẹp thẩm mỹ - CO-One - CO161109-01	B15-0194	CO161109-01	Hàn Quốc	CO-One	99.000.000	0	9.900.000
145	Máy đo chức năng hô hấp KoKo SX 1000 - nSpire Health - KoKo SX 1000 - 1642K4661	B15-0195	1642K4661	nSpire Health/Mỹ	KoKo SX 1000	98.700.000	0	9.870.000
146	Máy lý tâm đa năng Z106M - Hermle - Z106M - 16030013	B15-0196	16030013	Hermle/Đức	Z106M	43.733.000	0	4.373.300
147	Máy lý tâm đa năng Z206A - Hermle - Z206A - 60160667	B15-0197	60160667	Hermle/Đức	Z206A	44.688.000	0	4.468.800
148	Tủ An toàn sinh học cấp 2 - Nhật Huy - HUYAir Bio2-1200 - BSC II.16057	B15-0200	BSC II.16057	Nhật Huy/Việt Nam	HUYAir Bio2-1200	98.900.000	0	9.890.000
149	Tủ An toàn sinh học cấp 2 - Nhật Huy - HUYAir Bio2-1200 - BSC II.16039	B15-0201	BSC II.16039	Nhật Huy/Việt Nam	HUYAir Bio2-1200	98.900.000	0	9.890.000
150	Màn hình bàn thị lực mắt - Potec - PLC-8000 - D8F127FN	B15-0202	D8F127FN	Potec/Hàn Quốc	PLC-8000	45.750.000	0	4.575.000
151	Màn hình bàn thị lực mắt - Potec - PLC-8000 - D8F123IN	B15-0207	D8F123IN	Potec/Hàn Quốc	PLC-8000	45.750.000	0	4.575.000
152	Máy theo dõi bệnh nhân 3 thông số GE V100 - GE Healthcare - CARESCAPE V100 - SH61607024SA	B15-0198	SH61607024SA	GE Healthcare/Mexico	CARESCAPE V100	79.100.000	0	7.910.000
153	Máy theo dõi bệnh nhân 3 thông số GE V100 - GE Healthcare - CARESCAPE V100 - SH616340191SA	B15-0199	SH616340191SA	GE Healthcare/Mexico	CARESCAPE V100	79.100.000	0	7.910.000
154	Hệ thống nội soi videoscope dùng trong nội soi đại tràng gồm: - Bộ xử lý hình ảnh tích hợp nguồn sáng LED; - Ống nội soi đại tràng video; - Dụng cụ kiểm tra rò rỉ; - Màn hình y khoa chuyên dụng- Olympus-CV-170-7882746	B15-0208	7882746	Olympus/Nhật	CV-170	1.874.490.200	234.311.282	234.311.282
155	Ống soi dạ dày videoscope tương thích với hệ thống nội soi CV-150/CV-160/CV-180 - Olympus - GIF-Q150 - 2821655	B15-0209	2821655	Olympus/Nhật	GIF-Q150	379.526.400	47.440.800	47.440.800

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
156	Ông soi da dây video scope tương thích với hệ thống nội soi CV-150/CV-160/CV-180 - Olympus - GIF-Q150 - 2821657	B15-0210	2821657	Olympus/Nhật	GIF-Q150	379.526.400	47.440.800	47.440.800
157	Hệ thống phẫu thuật nội soi và dụng cụ PTNS tại mũi họng gồm: - Hệ thống xử lý hình ảnh nội soi Image1S và đầu camera Image 1S HX; - Nguồn sáng lạnh XENON 300W (Xenon Nova 300W); - Màn hình y khoa chuyên dụng LCD HD 26"; - Xe đặt máy nội soi son tinh điện; - Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi TMH (32 cái) - Karl Storz - TC301; TC200EN; TH110 - ZS777416-P; XS773253-P; RR992930-H	B15-0211	ZS777416-P; XS773253-P; RR992930-H	Karl Storz/Mỹ, Đức	TC301; TC200EN; TH110	1.295.700.000	161.962.521	161.962.521
158	Hệ thống phẫu thuật nội soi có chức năng nhuộm màu huỳnh quang và bộ dụng cụ PTNS sản phụ khoa gồm: - Hệ thống xử lý hình ảnh nội soi Image1S và đầu camera Image 1S H3-Z; - Nguồn sáng lạnh XENON 300W tự động; - Màn hình y khoa chuyên dụng LCD HD 26"; - Máy bơm khí CO2 có sưởi ấm khi (Thermoflator); - Xe đặt máy nội soi; - Dụng cụ cầm tay trong phẫu thuật nội soi ổ bụng (27 món); - Máy bơm và hút dịch tự động dùng trong nội soi sản phụ khoa (9 món dụng cụ); - Máy cắt dùng trong phẫu thuật nội soi - Karl Storz - TC300; TC200EN; TH100 - XS773851-P; XS773241-P; WS984218-H	B15-0212	XS773851-P; XS773241-P; WS984218-H	Karl Storz/Mỹ, Đức	TC300; TC200EN; TH100	3.869.250.000	483.656.271	483.656.271
159	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng dùng tương thích với hệ thống nội soi telecam DX II/IMAGE 1 (18 món) - Karl Storz - DXII/IMAGE1	B15-0213		Karl Storz/Đức	DXII/IMAGE1	469.875.000	58.734.354	58.734.354
160	Máy cắt đốt cao tần 300W dùng trong phẫu thuật tổng quát và sản phụ khoa. - Covidien/medtronic - Force FX-8C - F7L79557AX	B15-0214	F7L79557AX	Covidien/medtronic/Mỹ	Force FX-8C	220.000.000	27.499.972	27.499.972
161	Máy cắt đốt cao tần 300W dùng trong phẫu thuật tổng quát và sản phụ khoa. - Covidien/medtronic - Force FX-8C - F7G78192AX	B15-0215	F7G78192AX	Covidien/medtronic/Mỹ	Force FX-8C	220.000.000	27.499.972	27.499.972
162	Máy gây mê giúp thở dùng cho người lớn và trẻ em - GE Healthcare - Carestation 620 - SM617420101MA	B15-0216	SM617420101MA	GE Healthcare/Mỹ	Carestation 620	645.000.000	80.625.021	80.625.021
163	Máy gây mê giúp thở dùng cho người lớn và trẻ em - GE Healthcare - Carestation 620 - SM617420094MA	B15-0217	SM617420094MA	GE Healthcare/Mỹ	Carestation 620	645.000.000	80.625.021	80.625.021
164	Máy cắt đốt cao tần chuyên dùng cho Tai Mũi Họng - Arthocare - EC8001-01 Coblator II - CE0Q0006YJ	B15-0218	CE0Q0006YJ	Arthocare/Mỹ	EC8001-01 Coblator II	350.000.000	43.750.007	43.750.007
165	Hệ thống khoan cắt nạo phẫu thuật Tai Mũi Họng - Medtronic - IPC - ENTC81867	B15-0219	ENTC81867	Medtronic/Mỹ	IPC	1.498.000.000	187.249.972	187.249.972
166	Máy thở xâm lấn và không xâm lấn dùng cho người lớn, trẻ em và sơ sinh kèm máy nén khí - Covidien-Medtronic - Puritan Bennett 840 - 3512171692	B15-0220	3512171692	Covidien-Medtronic/Ireland	Puritan Bennett 840	690.000.000	86.250.021	86.250.021
167	Máy thở xâm lấn và không xâm lấn dùng cho người lớn, trẻ em và sơ sinh kèm máy nén khí - Covidien-Medtronic - Puritan Bennett 840 - 3512171720	B15-0221	3512171720	Covidien-Medtronic/Ireland	Puritan Bennett 840	690.000.000	86.250.021	86.250.021
168	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số - Nihon Kohden - BSM-3562 - 22496	B15-0222	22496	Nihon Kohden/Nhật	BSM-3562	168.000.000	21.000.021	21.000.021
169	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số - Nihon Kohden - BSM-3562 - 22515	B15-0223	22515	Nihon Kohden/Nhật	BSM-3562	168.000.000	21.000.021	21.000.021
170	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số - Nihon Kohden - BSM-3562 - 22511	B15-0224	22511	Nihon Kohden/Nhật	BSM-3562	441.000.000	55.125.000	55.125.000
171	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số - Nihon Kohden - BSM-3562 - 22518	B15-0225	22518	Nihon Kohden/Nhật	BSM-3562	441.000.000	55.125.000	55.125.000
172	Máy siêu âm doppler màu tổng quát và tim mạch 3 đầu dò - GE Medical Systems - LOGIQ F6 - 6000350WX0	B15-0226	6000350WX0	GE Medical Systems/Trung Quốc	LOGIQ F6	740.000.000	92.499.986	92.499.986
173	Hệ Thống máy X-Quang Kỹ Thuật số DR + 2 tấm IP	B15-0227	00740-0318-W	DEL MEDICAL và FUJIFILM/Mỹ	CMP200	2.700.000.000	337.500.000	337.500.000
174	Máy đo nồng độ Bilirubin qua da - PHILIPS - BILICHEK - B12433	B15-0228	B12433	PHILIPS/Mỹ	BILICHEK	149.100.000	18.637.521	18.637.521
175	Máy đo nồng độ Bilirubin qua da - PHILIPS - BILICHEK - B12448	B15-0229	B12448	PHILIPS/Mỹ	BILICHEK	149.100.000	18.637.521	18.637.521
176	Máy soi cổ tử cung - ECLERIS - C100 - 0062	B15-0230	0062	ECLERIS/Mỹ	C100	290.000.000	36.249.986	36.249.986
177	Giường ủ ấm sơ sinh - GE HEALTHCARE - LULLABY WARMER - SF818080048PA	B15-0231	SF818080048PA	GE HEALTHCARE/ÁN ĐỘ	LULLABY WARMER	98.000.000	12.250.007	12.250.007
178	Giường ủ ấm sơ sinh - GE HEALTHCARE - LULLABY WARMER - SF818181028PA	B15-0232	SF818181028PA	GE HEALTHCARE/ÁN ĐỘ	LULLABY WARMER	98.000.000	12.250.007	12.250.007
179	Hệ thống tiết khuẩn nhiệt độ thấp dung tích > 150 lít - Johnson và Johnson - Sterrad 100NX - 10104-1041170263	B15-0233	10104-1041170263	Johnson và Johnson/Mỹ	Sterrad 100NX	2.932.572.615	366.571.590	366.571.590
180	Dụng cụ phẫu thuật và bổ sung cho các chuyên khoa: TMH- Sản phụ khoa, tiêu hóa, khâu nối ruột, lấy sỏi mật, chỉnh hình cơ xương khớp (TMH 55 món, tiêu hoá 36 món, sỏi mật 2 món, cơ xương khớp 17 món) - Aesculap, Bbraun, ADI	B15-0234		Aesculap, Bbraun, ADI/Đức, Anh, Ba Lan, Malaysia, TQ, Pakistan		500.000.000	62.500.028	62.500.028

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
181	Bộ dụng cụ phẫu thuật: cột sống thắt lưng, cột sống cổ (61 món) - Aesculap, Bbraun	B15-0235		Aesculap, Bbraun/Đức, Anh, Ba Lan, Malaysia, TQ, Pakistan		761.633.700	95.204.202	95.204.202
182	Máy quay ly tâm tốc độ cao - Hermle - Z216M - 821800047	B15-0236	821800047	Hermle/Đức	Z216M	41.140.000	5.142.493	5.142.493
183	Máy đo nhĩ lượng - MAICO - Easy Tymp Pro - MA9040458	B15-0237	MA9040458	MAICO/Đức	Easy Tymp Pro	279.500.000	34.937.528	34.937.528
184	Máy đo thần não (đo điện thính giác, âm ốc tai) - NEUROSOFT - Neuro - Audio - Screen R240 - 00391127	B15-0238	00391127	NEUROSOFT/Nga	Neuro - Audio - Screen R240	530.000.000	66.250.007	66.250.007
185	Máy đo thính lực - MAICO - MA42 - MA9018395	B15-0239	MA9018395	MAICO/Đức	MA42	307.000.000	38.374.993	38.374.993
186	Máy laser YAG Q-Switched - Wontech - Pastelle - A8PAL302-1023	B15-0240	A8PAL302-1023	Wontech/Hàn Quốc	Pastelle	1.075.000.000	134.374.972	134.374.972
187	Máy laser mixel fractional Co2 - Hironic - Mixel - HMX0118281	B15-0241	HMX0118281	Hironic/Hàn Quốc	Mixel	495.000.000	61.875.000	61.875.000
188	Máy đo điện cơ tích hợp chức năng siêu âm thần kinh cơ - Cadwell - Sierra Summit - 19027205AA0418010	B15-0242	19027205AA0418010	Cadwel/IMỹ	Sierra Summit	798.000.000	99.750.021	99.750.021
189	Máy sóng ngắn trị liệu - BTL Industries Ltd - BTL-6000 Shortwave 400 - 01300B002577	B15-0243	01300B002577	BTL Industries Ltd/Anh	BTL-6000 Shortwave 400	237.500.000	29.687.507	29.687.507
190	Máy đo điện tim 3 kênh và phần mềm phân tích - Schiller - Cardiovit AT-101 - 080.29259	B15-0244	080.29259	Schiller/Thụy Sĩ	Cardiovit AT-101	58.600.000	7.324.993	7.324.993
191	Máy đo điện tim 3 kênh và phần mềm phân tích - Schiller - Cardiovit AT-101 - 080.29260	B15-0245	080.29260	Schiller/Thụy Sĩ	Cardiovit AT-101	58.600.000	7.324.993	7.324.993
192	Máy đo điện tim 3 kênh và phần mềm phân tích - Schiller - Cardiovit AT-101 - 080.29261	B15-0246	080.29261	Schiller/Thụy Sĩ	Cardiovit AT-101	58.600.000	7.324.993	7.324.993
193	Hệ thống tiết kiệm nhiệt độ thấp dung tích > 150 lít - Johnson và Johnson - Sterrad 100NX - 10104	B15-0247		Johnson và Johnson/Mỹ	Sterrad 100NX	2.932.572.614	448.031.939	448.031.939
194	Hệ thống nội soi Tai mũi họng: Camera kèm nguồn sáng LED, Màn hình nội soi, xe đẩy chuyên dụng - Provix - LL250 - 180913	B15-0248	180913	Provix/Hàn Quốc	LL250	98.850.000	23.339.565	23.339.565
195	Màn hình chuyên dụng cho nội soi - Sony - LMD-2110MD - 3401323	B15-0249	3401323	Sony/Trung Quốc	LMD-2110MD	49.000.000	12.499.970	12.499.970
196	Máy monitor theo dõi thai nhi, sản phụ - Philips - FM20 - DE65853171	B15-0250	DE65853171	Philips/Đức	FM20	83.947.500	27.982.476	27.982.476
197	Tủ lạnh bảo quản máu (95 lít) - Philipp - Essential-100 - 1002800412	B15-0251	1002800412	Philips/Đức	Essential-100	65.000.000	26.180.546	26.180.546
198	Máy siêu âm doppler màu 2 đầu dò R3 (đầu dò: Convex 2D: 1c K0C5M3GKC0080D; Linear 2D: K0DGM3GM100010Y) - Samsung Medison - SONOACE R3 - S010M3HKC00008B	B15-0252	S010M3HKC00008B	Samsung Medison/Hàn Quốc	SONOACE R3	250.000.000	100.694.454	100.694.454
199	Máy giác hút silicon sản khoa - Medela - Basic - 1838534	B15-0253	1838534	Medela/Thụy Sĩ	Basic	86.000.000	35.833.352	35.833.352
200	Hệ thống máy CT128 lát cắt/vòng quay (64 dãy đầu thu) - GE - REVOLUTION EVO - RE36A2000101YC	B15-0254	RE36A2000101YC	GE/Nhật	REVOLUTION EVO	19.135.000.000	8.770.208.329	8.770.208.329
201	Nồi hấp tiệt trùng HY-260S (II) - Digisystem - HY-260S (II) - 20070013	B15-0255	20070013	Digisystem/Đài Loan	HY-260S (II)	54.285.000	25.634.596	25.634.596
202	Máy hút dịch - YUIL - YNK-SU100 - 20088	B15-0256	20088	YUIL/Hàn Quốc	YNK-SU100	45.000.000	21.250.000	21.250.000
203	Hệ thống cắt đốt điện Coblator II - Arthrocare - Coblator II - CEOQ000419	B15-0257		Arthrocare/Mỹ	Coblator II	145.833.338	0	14.583.334
204	Máy siêu âm màu 4D (có tính năng đàn hồi mô định lượng); Đầu dò chuyên tổng quát: Model 5C1; Đầu dò chuyên mạch máu, giáp, vú: Model 12L3; Đầu dò 4D chuyên bụng, nhi, sản phụ khoa: model 8VC3 - Siemens Healthineers Ltd., - ACUSON Juniper - 553531	B15-0258	553531	Siemens Healthineers Ltd./Hàn Quốc	ACUSON Juniper	2.135.000.000	1.364.027.772	1.364.027.772
205	Máy siêu âm xách tay Doppler màu 3 đầu dò (tim mạch) - GE Medical Systems - LOGIQ V2 - 6116721WXO	B15-0259	6116721WXO	GE Medical Systems/Trung Quốc	LOGIQ V2	615.000.000	409.999.992	409.999.992
206	Máy siêu âm xách tay Doppler màu 3 đầu dò (phụ khoa) - GE Medical Systems - LOGIQ V2 - 6116722WXO	B15-0260	6116722WXO	GE Medical Systems/Trung Quốc	LOGIQ V2	615.000.000	409.999.992	409.999.992
207	Monitor 05 thông số - Infunix Technology Co.,Ltd. - IP4050 - PJ1023	B15-0261	PJ1023	Infunix Technology Co.,Ltd./Hàn Quốc	IP4050	46.618.962	31.079.298	31.079.298
208	Tủ lạnh âm sâu - Haier - DW-86L100J - BE0FT3E1T00QGM280041	B15-0262	BE0FT3E1T00QGM280041	Haier/Trung Quốc	DW-86L100J	89.000.000	59.333.336	59.333.336
209	Đèn mổ treo trần 2 nhánh ánh sáng lạnh LED - Merivaara - Q-FLOW DUO 6i/4i - 210820-166148	B15-0263	210820-166148	Merivaara/Phần Lan	Q-FLOW DUO 6i/4i	585.000.000	406.250.000	406.250.000
210	Máy Coblator trong phẫu thuật TMH - Arthrocare Corporation - EC8001-01 (RF8000E) - FFJ0356	B15-0264	FFJ0356	Arthrocare Corporation/Mỹ/ Costa Rica	EC8001-01 (RF8000E)	375.000.000	260.416.674	260.416.674
211	Hệ thống máy cắt đốt cầm máu plasma argon - Emed - 100-600 - 601541	B15-0265	601541	Emed/Ba Lan	100-600	392.000.000	272.222.232	272.222.232
212	Máy siêu âm 4D Voluson P8 - GE Ultrasound - Voluson P8 - VP8810610	B15-0266	VP8810610	GE Ultrasound/Hàn Quốc	Voluson P8	1.899.000.000	1.318.750.000	1.318.750.000
213	Máy siêu âm Doppler máy 3 đầu dò (phụ khoa) - GE Ultrasound - Voluson P8 - VP8809393	B15-0267	VP8809393	GE Ultrasound/Hàn Quốc	Voluson P8	1.419.500.000	985.763.884	985.763.884
214	Máy siêu âm Doppler máy 3 đầu dò (tim mạch) - GE Ultrasound - Voluson P8 - VP8809394	B15-0268	VP8809394	GE Ultrasound/Hàn Quốc	Voluson P8	1.479.500.000	1.027.430.558	1.027.430.558

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
215	Hệ thống phẫu thuật nội soi niệu khoa 3D (kèm bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi niệu khoa) gồm: Màn hình 3D TM330; Nguồn sáng lạnh Power LED 300- TL300; Máy cắt đốt điện cao tần Autocon III 300 - UH 300 - Karl Storz - IMAGE1 S 3D - TM 330; TL300; UI500S1; UI500S1; UH 300	B15-0269	TM 330; TL300; UI500S1; UH 300	Karl Storz/Đức	IMAGE1 S 3D	3.858.750.000	2.679.687.484	2.679.687.484
216	Máy bơm CO2 dùng trong nội soi tiêu hoá kèm máy rửa - Medivators - EGA-501E; EGA-500E - 13110188; 13110310	B15-0270	13110188; 13110310	Medivators/Mỹ	EGA-501E; EGA-500E	332.836.363	234.988.642	234.988.642
217	Nồi hấp tiệt trùng nhiệt độ cao 250 lít - Yulin - YACS250DHS1MB - 2125001	B15-0271	2125001	Yulin/Việt Nam	YACS250DHS1MB	650.000.000	460.416.662	460.416.662
218	Máy cắt đốt điện cao tần - Erbe - Erbe VIO 300S - 11490946	B15-0272	11490946	Erbe/Đức	Erbe VIO 300S	217.350.000	156.975.000	156.975.000
219	Máy cắt đốt sóng siêu âm tích hợp chức năng hàn mạch máu - Jabil,inc. - Gen 11 - 1112103020	B15-0273	1112103020	Jabil,inc./Mỹ; Mexico	Gen 11	1.879.500.000	1.487.937.495	1.487.937.495
220	Máy điện tim 3 kênh - Fukuda Denshi - FX-8100 - 50201734	B15-0274	50201734	Fukuda Denshi/Nhật	FX-8100	43.000.000	35.236.114	35.236.114
221	Nồi hấp tiệt trùng 24 lít - Sturdy Industrial Co.,LTD - SA-252F - 220726003-028	B15-0275	220726003-028	Sturdy Industrial Co.,LTD/Đài Loan	SA-252F	49.350.000	43.181.247	43.181.247
222	Tủ âm - Memmert - IN110 - D423.0335	B15-0276	D423.0335	Memmert/Đức	IN110	48.560.000	45.187.780	45.187.780
223	Máy In Kim LQ 680 Pro - EPSON - LQ 680 PRO - CRDY010309	B16-0035	CRDY010309	EPSON/Trung Quốc	LQ 680 PRO	10.199.700	0	1.019.970
224	Máy ảnh Kỹ thuật số CANON PS G12 - CANON - PS G12 - 248051000151	E02-0003	248051000151	CANON/Nhật	PS G12	14.269.000	0	1.426.900
225	Bàn họp ô van gỗ (5600 x 2000 x 760) mm	E03-0006		Việt Nam		37.400.000	0	3.740.000
226	Máy lạnh âm trần Daikin đa hướng R410-1 chiều lạnh - Daikin - Lạnh: FCNQ48MV1; Nóng: RNQ48MY1 - Lạnh: E017519; Nóng: E025980	B18-0055	Lạnh: E017519; Nóng: E025980	Daikin/Thái Lan	FCNQ48MV1; RNQ48MY1	43.800.000	0	4.380.000
227	Máy lạnh âm trần Daikin đa hướng R410-1 chiều lạnh - Daikin - Lạnh: FCNQ48MV1; Nóng: RNQ48MY1 - Lạnh: E017464; Nóng: E025795	B18-0056	Lạnh: E017464; Nóng: E025795	Daikin/Thái Lan	FCNQ48MV1; RNQ48MY1	43.800.000	0	4.380.000
228	Máy đo thân nhiệt và nhận diện khuôn mặt kết hợp - Guangzhou Shirui Electronics - FT07 - MH1122020	B18-0057	MH1122020	Guangzhou Shirui Electronics/Trung Quốc	FT07	48.500.000	13.472.228	13.472.228
229	CPU máy tính Dell Optiplex 3040MT i3-6100 3,7Ghz, HDD 500Gb, DDR3 4Gb			Dell	3040MT	11.052.000		1.105.200
230	Màn hình vi tính Dell 17"		CN05YJ8T64180	Dell	E1715S	2.500.000		250.000
231	Đầu đọc mã vạch 2D		16320B1A6C	Youjie-Honeywell	YJ4600	4.290.000		429.000
232	Đầu đọc mã vạch 2D		16320B1A71	Youjie-Honeywell	YJ4600	4.290.000		429.000
233	Đầu đọc mã vạch 2D		16170B2338	Youjie-Honeywell	YJ4600	4.290.000		429.000
234	Đầu đọc mã vạch 2D		16238B1838	Youjie-Honeywell	YJ4600	4.290.000		429.000
235	Đèn khám Tai Mũi Họng KD202A-3			Qiaowei	KD202A-3	9.500.000		950.000
236	Tủ lạnh panasonic 180 lít		6X1S00536		NR-BA188SSVN	4.650.000		465.000
237	Tủ lạnh panasonic 180 lít		6Y1S01805		NR-BA188SSVN	4.650.000		465.000
238	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 2HP		62501487		RAS-H18S3KS-V	15.440.000		1.544.000
239	Máy nghe tim thai Minidop ES-100VX Dadeco		15010375		ES-100VX	9.912.000		991.200
240	Máy nghe tim thai Minidop ES-100VX Dadeco		15010380		ES-100VX	9.912.000		991.200
241	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 2HP		72300400	Tohisba	RAS-H18QKG-V	15.400.000		1.540.000
242	Máy in nhiệt TM-T82II		TCCY009507	Epson	T82II	8.162.000		816.200
243	Camera dùng cho bộ đèn đặt nội khí quản AV-Sope				AV.Scope	29.700.000		2.970.000
244	Bộ đèn đặt nội khí quản khó 2 lười		8040-008			21.000.000		2.100.000
245	Máy in laserJet Pro HP 400 M402D		PHC3C00195		HP400 M402D	7.260.000		726.000
246	CPU Dell Optiplex 3040MT Core i3-6100 3,7Ghz 3M, DDR3 4Gb, HDD 500Gb		J41W992		3040MT	11.052.000		1.105.200
247	Màn hình vi tính LCD Dell E1715S 17"		CN-05YJ8T-64180-5B32Y7U		E1715S	2.500.000		250.000
248	Bơm tiêm điện		22742285		Injectomat agilia	22.500.000		2.250.000
249	Bơm tiêm điện		22742941		Injectomat agilia	22.500.000		2.250.000
250	Bơm tiêm điện		22742912		Injectomat agilia	22.500.000		2.250.000
251	Bơm tiêm điện		22742258		Injectomat agilia	22.500.000		2.250.000
252	Tủ lạnh Panasonic 167 lít		ARAHLDQ00080	PANASONIC	NR-BA188VS	5.550.000		555.000
253	Bộ nội khí quản khó 2 lười và camera					21.000.000		2.100.000
254	Camera dùng cho bộ đặc nội khí quản					29.700.000		2.970.000
255	Tủ hồ sơ gỗ MDF (182x100x45) cm					3.245.000		324.500
256	Xe đẩy tiêm thuốc YFS-006			YONGFA	YFS-006	16.720.000		1.672.000
257	Máy nước nóng Alaska HC450H				HC450H	10.560.000		1.056.000
258	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 2 HP					15.581.600		1.558.160
259	Máy ảnh Canon EOS 70D (kit 18-135 mm)			Canon	Canon 70D	19.004.700		1.900.470
260	Máy in HP laserJet Pro 400		VNH3G11626		M401d	6.849.700		684.970
261	Máy in HP laserJet Pro 400		VNH3708742		M401d	6.849.700		684.970
262	Máy in HP laserJet Pro 400		VNH3708375		M401d	6.849.700		684.970
263	Máy in HP laserJet Pro 400		VNH3709159		M401d	6.849.700		684.970
264	Máy in HP laserJet Pro 400		VNH4Y19170		M401d	6.849.700		684.970
265	Máy in HP laserJet Pro 400		VNH3708539		M401d	6.849.700		684.970
266	Máy in HP laserJet Pro 400		VNH3G11923		M401d	6.849.700		684.970
267	Máy in HP laserJet Pro 400		VNH3709035		M401d	6.849.700		684.970
268	Máy in nhiệt Epson TM-T82II		TCCY007464		TM-T82II	8.305.000		830.500

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
269	Máy in nhiệt Epson TM-T82II		TCCY007462		TM-T82II	8.305.000		830.500
270	Máy in nhiệt Epson TM-T82II		TCCY007458		TM-T82II	8.305.000		830.500
271	Máy in HP laserJet Pro 400		VNH3708539		M401d	6.849.700		684.970
272	Máy in nhiệt Epson TM-T82II		TCCY007463		TM-T82II	8.305.000		830.500
273	Tivi LG led 49 inch		MAY67533001		LG49LH511	9.900.000		990.000
274	Màn hình vi tinh Dell 17 inchs vuông		55FNL92	E1715S	DELL	2.541.000		254.100
275	CPU Dell Optiplex 3050MT, Intel Core i3-7100, DDR4 4GB, HDD 1TB, DVD RW		DZCODK2			9.713.000		971.300
276	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B0076		Xenon 1900	5.500.000		550.000
277	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B0243		Xenon 1900	5.500.000		550.000
278	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B0885		Xenon 1900	5.500.000		550.000
279	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B0248		Xenon 1900	5.500.000		550.000
280	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B084A		Xenon 1900	5.500.000		550.000
281	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B088F		Xenon 1900	5.500.000		550.000
282	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B0077		Xenon 1900	5.500.000		550.000
283	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B0892		Xenon 1900	5.500.000		550.000
284	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B0883		Xenon 1900	5.500.000		550.000
285	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B0A7D		Xenon 1900	5.500.000		550.000
286	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B023A		Xenon 1900	5.500.000		550.000
287	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B005F		Xenon 1900	5.500.000		550.000
288	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B0052		Xenon 1900	5.500.000		550.000
289	Máy in mã vạch (có màn hình)		121C1630106		PC43T, LCD, 203 dpi	8.712.000		871.200
290	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16318B0481		Xenon 1900	5.500.000		550.000
291	Máy in mã vạch (có màn hình)		121C1630040		PC43T, LCD, 203 dpi	8.712.000		871.200
292	Màn hình vi tinh dell LCD 17" E1715S		CN-OSYJ8T-64180-5A507RU		E1715S	2.500.000		250.000
293	Màn hình vi tinh dell LCD 17" E1715S		CN-OVHPD1-64180-6BGZDKU-A01		E1715S	2.500.000		250.000
294	Màn hình vi tinh dell LCD 17" E1715S		CN-OVHPD1-64180-686-1GOU-A01		E1715S	2.500.000		250.000
295	Màn hình vi tinh dell LCD 17" E1715S		CN-OVHPD1-64180-6BH-073U-A01		E1715S	2.500.000		250.000
296	Màn hình vi tinh dell LCD 17" E1715S		CN-OVHPD1-64180-6BHODZU-A01		E1715S	2.500.000		250.000
297	Màn hình vi tinh dell LCD 17" E1715S		CN-OVHPD1-64180-6BHOEAU-A01		E1715S	2.500.000		250.000
298	Máy vi tinh để bàn dell Optiplex 3040MT (i3-6100, 3,7Ghz, DDR3 4gb, HDD 500Gb)		J4ZZBD2		Optiplex 3040MT	11.052.000		1.105.200
299	Máy vi tinh để bàn dell Optiplex 3040MT (i3-6100, 3,7Ghz, DDR3 4gb, HDD 500Gb)		J500TF2		Optiplex 3040MT	11.052.000		1.105.200
300	Máy vi tinh để bàn dell Optiplex 3040MT (i3-6100, 3,7Ghz, DDR3 4gb, HDD 500Gb)		J502TF2		Optiplex 3040MT	11.052.000		1.105.200
301	Máy vi tinh để bàn dell Optiplex 3040MT (i3-6100, 3,7Ghz, DDR3 4gb, HDD 500Gb)		J4ZZKG2		Optiplex 3040MT	11.052.000		1.105.200
302	Máy vi tinh để bàn dell Optiplex 3040MT (i3-6100, 3,7Ghz, DDR3 4gb, HDD 500Gb)		J4ZJS62		Optiplex 3040MT	11.052.000		1.105.200
303	Máy vi tinh để bàn dell Optiplex 3040MT (i3-6100, 3,7Ghz, DDR3 4gb, HDD 500Gb)		J502LG2		Optiplex 3040MT	11.052.000		1.105.200
304	Màn hình vi tinh dell LCD 17" E1715S		CN-OVHPD1-64180-6BH-OAUU-A01		E1715S	2.500.000		250.000
305	Máy vi tinh để bàn dell Optiplex 3040MT (i3-6100, 3,7Ghz, DDR3 4gb, HDD 500Gb)		J501T92		Optiplex 3040MT	11.052.000		1.105.200
306	Màn hình vi tinh dell 18,5"		CN-0779TP-FCC00	dell	E 1916 HV	1.969.000		196.900
307	CPU i3-7100, DDR4 4GB, HDD 1TB, DVDRW		DYYWCK2	dell	3050 MT	11.165.000		1.116.500
308	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 2 HP		7200193	Toshiba	RAS-H18QKSG-V	15.300.000		1.530.000
309	Tivi LG led 49 inch		608VNXFC0290	LG	49LH570T	10.600.000		1.060.000
310	Tivi LG led 49 inch		608VNBG2L036	LG	49LH570T	10.600.000		1.060.000
311	Tivi LG led 49 inch		608VNGG3H011	LG	49LH570T	10.600.000		1.060.000
312	Tivi LG led 49 inch		608VNB2N365	LG	49LH570T	10.600.000		1.060.000
313	Tivi LG led 49 inch		608VNCL1U315	LG	49LH570T	10.600.000		1.060.000
314	Máy làm nóng lạnh nước uống Alaska HC 450H				HC450H	10.670.000		1.067.000
315	Bộ đèn đội đầu ML4 sử dụng nguồn điện trực tiếp				ML4 LED	28.560.000		2.856.000
316	Bộ đèn đội đầu ML4 sử dụng nguồn điện trực tiếp				ML4 LED	28.560.000		2.856.000
317	Bộ đèn đội đầu ML4 sử dụng nguồn điện trực tiếp				ML4 LED	28.560.000		2.856.000
318	Máy tính xách tay Dell Ins 14 7000 series-7460-N415259W-vàng					18.799.000		1.879.900
319	Tủ đông Alaska 1F-21					6.200.000		620.000
320	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 2HP					16.250.000		1.625.000
321	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 2HP (hoà đơn: 00037)					16.360.000		1.636.000
322	xe đẩy tiêm thuốc					16.720.000		1.672.000
323	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm					78.540.000		7.854.000
324	Bộ máy vi tinh Dell Vostro 3669MT					13.706.000		1.370.600
325	Máy in laserJet HP Pro 400 M402D					5.797.000		579.700
326	Máy in Laser HP M402D					5.797.000		579.700
327	Máy ủ làm ấm dây truyền máu-dịch truyền					16.905.000		1.690.500
328	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 2 HP					17.170.000		1.717.000
329	Tủ lạnh Aqua AQR-55AR,SH 50 lít					2.375.000		237.500
330	Máy in Laser HP M402D					11.800.000		1.180.000
331	Quầy tiếp nhận và tủ gỗ MDF					16.720.000		1.672.000
332	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 1HP					8.030.000		803.000
333	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 2HP					16.770.000		1.677.000
334	Bộ máy vi tinh Core i3-7100					10.930.000		1.093.000
335	Bộ máy vi tinh dell					14.155.000		1.415.500
336	Ti vi Led, tủ lạnh					17.028.000		1.702.800
337	Máy in kim LQ590					10.940.000		1.094.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
338	Bộ máy vi tính và máy in HP					19.912.000		1.991.200
339	Máy in kim Epson 310					10.490.000		1.049.000
340	CPU Dell Optiplex 3050 SFF: Intel Core i3 7th generation, DDR 4 2400Mhz, HDD 128Gb SSD, Car đồ họa: Intel Integrated Graphics		353V7N2	Malaysia/Dell	Optiplex 3050 SFF/2017	11.570.000		1.157.000
341	Màn hình vi tính LCD Dell 17", E1715S		CN-OYMF4D	Trung Quốc/Dell	E1715S/2017	2.565.000		256.500
342	Máy in HP Laser M402P		PHC3D08926	Trung Quốc/HP	HP M402D/2017	5.797.000		579.700
343	Máy lạnh Toshiba 2 cục 2 HP		N: 82301093	Thái Lan/Toshiba	RAS-H18U2KSG-V/2017	15.200.000		1.520.000
344	CPU Dell Optiplex 3050 SFF: Intel Core i3 7th generation, DDR 4GB 2400Mhz, HDD 128Gb SSD, Car đồ họa: Intel Integrated Graphics		52TBMP2	Malaysia/Dell	Optiplex 3050 SFF/2017	11.570.000		1.157.000
345	Màn hình vi tính LCD Dell 17", E1715S			Trung Quốc/Dell	E1715S/2017	2.565.000		256.500
346	Máy in HP Laser M402D		PHC3D07623	Trung Quốc/HP	HP M402D/2017	5.797.000		579.700
347	Máy nước nóng lạnh trực tiếp Alaska HC-450H		100HB17WP17087	Trung Quốc/Alaska	HC-450H	10.395.000		1.039.500
348	Máy lạnh Toshiba 2 cục 1,5 HP		N: 82600886; 82601443	Thái Lan/Toshiba	RAS-H13U2KSG-V/2017	19.900.001		1.990.000
349	Máy Doppler tim thai		G021426	Nhật/Toitu	FD-390/2018	25.200.000		2.520.000
350	Máy Doppler tim thai		G021425	Nhật/Toitu	FD-390/2018	25.200.000		2.520.000
351	Máy Doppler tim thai		G021424	Nhật/Toitu	FD-390/2018	25.200.000		2.520.000
352	Máy đo SpO2 loại cầm tay có bảo động		MBP1630400	Hàn Quốc / Medtronic Coviden Nellcor	PM10N/2018	10.000.000		1.000.000
353	Máy đo SpO2 loại cầm tay có bảo động		MBP1630401	Hàn Quốc / Medtronic Coviden Nellcor	PM10N/2018	10.000.000		1.000.000
354	Màn hình vi tính LCD Dell 17", E1715S		2LBFM92	Trung Quốc / Dell	E1715S/2017	2.610.001		261.000
355	Màn hình vi tính LCD Dell 17", E1715S		BMPBM92	Trung Quốc / Dell	E1715S/2017	2.610.001		261.000
356	Máy in mã vạch có LCD Intermec		070C1630646	Trung Quốc / Intermec	PC43T/2017	9.500.000		950.000
357	Máy in màu HP LaserJet Pro M254nw		VNC8A00949	Trung Quốc / HP	M254nw/2017	10.235.000		1.023.500
358	CPU Dell Optiplex 3050 SFF: Intel Core i3 7th generation, DDR 4GB 2400Mhz, HDD 128Gb SSD, Car đồ họa: Intel Integrated Graphics		6B9N6Q2	Malaysia/Dell	Optiplex 3050 SFF/2017	11.495.000		1.149.500
359	Màn hình vi tính LCD Dell 17", E1715S		2QGJM92	Trung Quốc/Dell	E1715S/2017	2.610.000		261.000
360	Máy in kim Epson LQ-310		R9DY315344	Indonesia / Epson	LQ-310/2017	5.245.000		524.500
361	CPU Dell Optiplex 3050 SFF: Intel Core i3 7th generation, DDR 4GB 2400Mhz, HDD 128Gb SSD, Car đồ họa: Intel Integrated Graphics		FJCG6Q2	Malaysia/Dell	Optiplex 3050 SFF/2017	11.550.000		1.155.000
362	Màn hình vi tính LCD Dell 17", E1715S		8J5LM92	Trung Quốc/Dell	E1715S/2017	2.610.000		261.000
363	Tủ lạnh Aqua 90 lít		A95ARSS073006122	Việt Nam/Aqua	AQR-95AR	3.200.000		320.000
364	Tủ lạnh Aqua 90 lít		A95ARSS073009985	Việt Nam/Aqua	AQR-95AR	3.200.000		320.000
365	Tủ lạnh Aqua 90 lít		A95ARSS073009184	Việt Nam/Aqua	AQR-95AR	3.200.000		320.000
366	Tủ lạnh Aqua 90 lít		A95ARSS073009188	Việt Nam/Aqua	AQR-95AR	3.200.000		320.000
367	Tivi led Asanzo 40 inch		S890040918AA0088	Việt Nam/Asanzo	40S890	4.690.000		469.000
368	Giường gỗ MDF khám bệnh có hộc (60x180x70) cm			Việt Nam		4.400.000		440.000
369	Giường gỗ MDF khám bệnh có hộc (60x180x70) cm			Việt Nam		4.400.000		440.000
370	Bộ dụng cụ đặt nội khí quản người lớn (lưỡi cong số 2,3,4)		7040	Pakistan / Rudolf Riester GmbH-Đức	Riester / 2018	5.000.000		500.000
371	Máy lạnh Toshiba 2 cục 1 HP		L: 72400470; N: 71209168	Thái Lan/Toshiba	RAS-H10QKSG-V / 2018	7.971.500		797.150
372	Máy lạnh Toshiba 2 cục 1 HP		L: 72400362; N: 72209168	Thái Lan/Toshiba	RAS-H10QKSG-V / 2018	7.971.500		797.150
373	Máy lạnh Toshiba 2 cục 1 HP		L: 72310329; N: 72300941	Thái Lan/Toshiba	RAS-H10QKSG-V / 2018	8.491.500		849.150
374	Máy lạnh Toshiba 2 cục 1 HP		L: 72214035; N: 72324620	Thái Lan/Toshiba	RAS-H10QKSG-V / 2018	8.491.500		849.150
375	CPU Dell Optiplex 3050MT: Intel Core i3 7th generation, DDR 4GB 2400Mhz, HDD 128Gb SSD, Car đồ họa: Intel Integrated Graphics		3NYYKQ2	Malaysia/Dell	Optiplex 3050 SFF/2017	11.495.000		1.149.500
376	Màn hình vi tính LCD Dell 17", E1715S		DOQXM92	Trung Quốc/Dell	E1715S/2017	2.610.000		261.000
377	Máy in HP Laser M402D		PHC3D07272	Trung Quốc/HP	HP M402D/2017	5.797.000		579.700
378	CPU Dell Optiplex 3050MT: Intel Core i3 7th generation, DDR 4GB 2400Mhz, HDD 128Gb SSD,DVD, Car đồ họa: Intel Integrated Graphics		FJPP6Q2	Malaysia/Dell	Optiplex 3050 SFF/2017	11.570.000		1.157.000
379	Màn hình vi tính LCD Dell 17", E1715S		H3VTM92	Trung Quốc/Dell	E1715S/2017	2.610.000		261.000
380	Máy in laser màu HP Color LaserJet Pro M254nw		VNC8H00947	Trung Quốc/HP	M254nw/2017	10.230.000		1.023.000
381	Tủ lạnh Panasonic 180 lít		782S04107	Panasonic	NR-BA228PSV1VN/2017	6.479.000		647.900
382	Máy in màu HP LaserJet Pro M254nw		VNC8H00948	Trung Quốc/HP	M254nw/2017	10.230.000		1.023.000
383	Đèn điều trị vàng da BT-400		EFJ50022	Hàn Quốc / Bistos	BT-400 / 2017	29.400.000		2.940.000
384	Đèn điều trị vàng da BT-400		EFJ50023	Hàn Quốc / Bistos	BT-400 / 2017	29.400.000		2.940.000
385	Giường bệnh tay quay có bánh xe (213x96x54) cm			Trung Quốc / YONGFA MEDICAL EQUIPMENT	YFC161L / 2018	9.650.000		965.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
386	CPU Dell Optiplex 3050SFF: Intel Core i3 7th generation, DDR 4GB 2400Mhz, HDD 128Gb SSD		41109R2	Malaysia/Dell	Optiplex 3050 SFF/2017	11.570.000		1.157.000
387	Màn hình vi tính LCD Dell 17", E1715S		CN-0YMF4D-TV100-84J-044U	Trung Quốc/Dell	E1715S/2017	2.610.000		261.000
388	Đầu đọc mã vạch 2D		18155B08E3	Trung Quốc/Honeywell	2D Honeywell Xenon 1900 / 2017	5.275.600		527.560
389	CPU Dell Optiplex 3050SFF: Intel Core i3 7th generation, DDR 4GB 2400Mhz, HDD 128Gb SSD		41M29R2	Malaysia/Dell	Optiplex 3050 SFF/2017	11.570.000		1.157.000
390	Màn hình vi tính LCD Dell 17", E1715S		CN-0YMF4D-TV100-84J-0DRU	Trung Quốc/Dell	E1715S/2017	2.610.000		261.000
391	Máy in HP Laser M402D		PHC3D07255	Trung Quốc/HP	HP M402D/2017	5.797.000		579.700
392	Giường bệnh tay quay có bánh xe (213x96x54) cm			Trung Quốc / YONGFA MEDICAL EQUIPMENT	YFC161L / 2018	9.650.000		965.000
393	Giường bệnh tay quay có bánh xe (213x96x54) cm			Trung Quốc / YONGFA MEDICAL EQUIPMENT	YFC161L / 2018	9.650.000		965.000
394	Xe đẩy cấp cứu			Trung Quốc / YONGFA MEDICAL	YFS-001/2018	16.720.000		1.672.000
395	Xe đẩy cấp cứu			Trung Quốc / YONGFA MEDICAL	YFS-001/2018	16.720.000		1.672.000
396	Xe đẩy cấp cứu			Trung Quốc / YONGFA MEDICAL	YFS-001/2018	16.720.000		1.672.000
397	Tủ lạnh Aqua 90 lít		A95ERSS088005518	Việt Nam	AQR-95ER/2017	3.000.000		300.000
398	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 2 HP		L: 82900234; N: 82900045	Thái Lan/Toshiba	RAS-H1842KSG-V / 2018	16.925.000		1.692.500
399	Máy bơm định lượng màng Blue White USA		907517	Mỹ / Blue white	C6250-P / 2018	9.955.000		995.500
400	Máy bơm định lượng màng Blue White USA		907515	Mỹ / Blue white	C6250-P / 2018	9.955.000		995.500
401	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-0YMF4DTV100	Trung Quốc / Dell	2018	2.610.000		261.000
402	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3060SFF: Intel i3 (8100) DDR4: 2x4GB, HDD 128GB SSD		5SNBBS2	Malaysia/Dell	3060SFF/2019	12.760.000		1.276.000
403	Máy in nhiệt Epson		TCCY-007460	Trung Quốc / Epson	TM-T82II / 2018	3.982.000		398.200
404	Máy in nhiệt Epson		TCCY-007470	Trung Quốc / Epson	TM-T82II / 2018	3.982.000		398.200
405	Máy in nhiệt Epson		TCCY-007463	Trung Quốc / Epson	TM-T82II / 2018	3.982.000		398.200
406	Máy in nhiệt Epson		TCCY-007458	Trung Quốc / Epson	TM-T82II / 2018	3.982.000		398.200
407	Máy in nhiệt Epson		TCCY-007457	Trung Quốc / Epson	TM-T82II / 2018	3.982.000		398.200
408	Máy đọc mã vạch			Trung Quốc / Honeywell	1900GHD / 2018	5.275.600		527.560
409	Máy ủ âm dây truyền máu - truyền dịch		2018D0600	Nhật / Elltec Co.,Ltd	AM-301-5AF / 2018	16.500.000		1.650.000
410	Máy in mã vạch (có màn hình)		215C1630065	Trung Quốc / Intermec	PC43T / 2017	8.690.000		869.000
411	Máy in mã vạch (có màn hình)		121C1630138	Trung Quốc / Intermec	PC43T / 2017	8.690.000		869.000
412	Máy in mã vạch (có màn hình)		121C1630148	Trung Quốc / Intermec	PC43T / 2017	8.690.000		869.000
413	Máy in mã vạch (có màn hình)		215C1630097	Trung Quốc / Intermec	PC43T / 2017	8.690.000		869.000
414	Máy in mã vạch (có màn hình)		215C1630074	Trung Quốc / Intermec	PC43T / 2017	8.690.000		869.000
415	Máy in mã vạch (có màn hình)		123C1630194	Trung Quốc / Intermec	PC43T / 2017	8.690.000		869.000
416	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16298B3B4A	Trung Quốc / Honeywell	Xenon 1900 / 2017	5.500.000		550.000
417	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16268B5641	Trung Quốc / Honeywell	Xenon 1900 / 2017	5.500.000		550.000
418	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16268B5656	Trung Quốc / Honeywell	Xenon 1900 / 2017	5.500.000		550.000
419	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16298B3B4D	Trung Quốc / Honeywell	Xenon 1900 / 2017	5.500.000		550.000
420	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16268B566D	Trung Quốc / Honeywell	Xenon 1900 / 2017	5.500.000		550.000
421	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16268B56CC	Trung Quốc / Honeywell	Xenon 1900 / 2017	5.500.000		550.000
422	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16268B56DC	Trung Quốc / Honeywell	Xenon 1900 / 2017	5.500.000		550.000
423	Máy quét mã vạch 2D (cổng USB)		16268B56C6	Trung Quốc / Honeywell	Xenon 1900 / 2017	5.500.000		550.000
424	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J4ZZ992	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
425	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-05YJ8T-64180-56P-0224-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
426	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3DH2VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
427	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6C2-082U-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
428	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3G05VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
429	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6C2-081U-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
430	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J4ZZG82	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
431	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BH-01VU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
432	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J4ZJ8F2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
433	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BH-0PUU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
434	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3GH1VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
435	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-05YJ8T-64180-5A5-096U-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
436	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3G23VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
437	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BG-285U-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
438	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3GN0VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
439	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-05YJ8T-64180-5A5-07KU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
440	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		T4ZDH62	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
441	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BG-2DRU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
442	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J501V72	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
443	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-05YJ8T-64180-56P-023U	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
444	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J4ZL862	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
445	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BH-069U-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
446	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3FK6VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
447	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6C2-08GU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
448	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3FP0VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
449	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6C2-08FU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
450	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3FX0VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
451	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6C2-08TU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
452	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3FF2VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
453	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-686-129U-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
454	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J4ZHS62	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
455	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BG-28LU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
456	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		69J4HD2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
457	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-05YJ8T-64180-55Q-OJWU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
458	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J503H82	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
459	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BG-2DQU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
460	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J4ZGH62	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
461	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-05YJ8T-64180-5B4-088U-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
462	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3FSYTG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
463	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6C2-07SU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
464	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3DX4VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
465	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6C2-OTJU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
466	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J4ZYSF2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
467	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BG-28SU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
468	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		3FX1VG2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
469	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-05YT8T-64180-5B5-2ZAU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
470	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J502H82	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
471	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BG-2DTU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
472	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J4ZH862	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
473	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BG-28NU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
474	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J4ZZSF2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
475	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BH-OEHV-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
476	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J502T92	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
477	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BH-09MU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
478	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-6100, DDR3: 4GB, HDD 500 GB SSD		J502HD2	Malaysia / Dell	Optiplex 3040MT / 2016	10.942.000		1.094.200
479	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OVHPD1-64180-6BH-ODUU-A01	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2016	2.610.000		261.000
480	Máy in HP LaserJet M402DN		PHCN701604	Trung Quốc / HP	PRO M402DN	7.029.000		702.900
481	Bộ bàn salon gỗ sồi (ghế đơn 2C+ghế dài 1C+bàn 1C)			Việt Nam		9.800.000		980.000
482	Máy in HP LaserJet M402DN		PHCN701616	Trung Quốc / HP	PRO M402DN	7.029.000		702.900
483	Xe đẩy cấp cứu			Trung Quốc / YongFa Medical	YFS-001 / 2019	16.720.000		1.672.000
484	Xe đẩy cấp cứu			Trung Quốc / YongFa Medical	YFS-001 / 2019	16.720.000		1.672.000
485	Xe đẩy tiêm thuốc			Trung Quốc / YongFa Medical	YFS-006 / 2019	16.720.000		1.672.000
486	Xe đẩy tiêm thuốc			Trung Quốc / YongFa Medical	YFS-006 / 2019	16.720.000		1.672.000
487	Xe đẩy tiêm thuốc			Trung Quốc / YongFa Medical	YFS-006 / 2019	16.720.000		1.672.000
488	Máy đo SpO2 loại cầm tay (có bảo động)		502676221	Mỹ / Nonin	2500A / 2018	15.456.000		1.545.600
489	Máy đo SpO2 loại cầm tay (có bảo động)		502676225	Mỹ / Nonin	2500A / 2018	15.456.000		1.545.600
490	Máy đo SpO2 loại cầm tay (có bảo động)		502550436	Mỹ / Nonin	2500A / 2018	15.456.000		1.545.600
491	Máy nóng lạnh Ariston Andris2		3180510	Việt Nam / Ariston	Andris 2B152 / 2019	3.600.000		360.000
492	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-8100, DDR4: 8GB, SSD 250 GB		2Q680T2	Malaysia / Dell	Optiplex 3670MT / 2018	13.120.000		1.312.000
493	Màn hình vi tính LCD 17" dell		GJ4RML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2018	2.660.000		266.000
494	Giường gỗ MDF (1800x900x550) mm			Việt Nam		9.625.000		962.500
495	Màn hình vi tính LCD 17" dell		165SQML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2018	2.660.000		266.000
496	Màn hình vi tính LCD 17" dell		GRWRML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2018	2.660.000		266.000
497	Màn hình vi tính LCD 17" dell		487RML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2018	2.660.000		266.000
498	Máy in mã vạch (có màn hình)		18106B029D	Trung Quốc / Honeywell	PC42D / 2019	6.388.800		638.880
499	Máy in HP LaserJet M402DN		PHCN710592	Trung Quốc / HP	PRO M402DN / 2018	7.029.000		702.900
500	Màn hình vi tính LCD Dell 17"		CN-OYMF4D-TV100-958-OGWU	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2018	2.660.000		266.000
501	Giường gỗ MDF (190x70x60) cm			Việt Nam		8.940.000		894.000
502	Máy photocopy canon iR 2006N		2FF01720	Hàn Quốc / Canon	iR 2006N / 2018	26.000.000		2.600.000
503	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3040MT: Intel i3-8100, DDR4: 4GB, SSD 1 TB		2Q5DBW2	Malaysia / Dell	Optiplex 3060 SFF / 2019	12.240.000		1.224.000
504	Màn hình vi tính LCD 17" dell		CN-OYMF4D-TV100-978	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	2.660.000		266.000
505	Máy in màu HP Laser M254DW		T6B60A-01Y	Việt Nam / HP	M254DW/2018	16.700.000		1.670.000
506	Máy đo SpO2 loại cầm tay có bảo động		202741617	Mỹ / Nonin	2500A / 2019	9.975.000		997.500
507	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3060SFF: Intel i3-8100, DDR4: 4GB, SSD 1 TB		2R2HBW2	Malaysia / Dell	Optiplex 3060 SFF / 2019	12.240.000		1.224.000
508	Màn hình vi tính LCD 17" dell		HT7MML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	2.660.000		266.000
509	Bộ máy vi tính và máy in					18.538.000		1.853.800
510	Máy in HP LaserJet M402DN 2 MẮT		PHCNF74078	Philippines / HP	M402DN / 2019	6.900.000		690.000
511	Máy in HP LaserJet M402DN 2 MẮT		PHCNF74037	Philippines / HP	M402DN / 2019	6.900.000		690.000
512	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3060SFF: Intel i3-8100, DDR4: 8GB, HDD 1 TB		OKPHNX2	Malaysia / Dell	Optiplex 3060 SFF / 2019	11.750.000		1.175.000
513	Màn hình vi tính LCD 17" dell		58VSML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	2.660.000		266.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
514	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3060SFF: Intel i3-8100, DDR4: 8GB, HDD 1 TB		DLFFNX2	Malaysia / Dell	Optiplex 3060 SFF / 2019	11.750.000		1.175.000
515	Màn hình vi tính LCD 17" dell		58RRML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	2.660.000		266.000
516	CPU máy vi tính Dell Optiplex 3060SFF: Intel i3-8100, DDR4: 8GB, HDD 1 TB		1XZFNX2	Malaysia / Dell	Optiplex 3060 SFF / 2019	12.400.000		1.240.000
517	Màn hình vi tính LCD 17" dell		8FWXML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	2.660.000		266.000
518	Máy in 2 mặt					6.959.000		695.900
519	Máy lạnh Mitsubishi 2HP					16.030.000		1.603.000
520	Máy nóng lạnh Toshiba					3.450.000		345.000
521	Máy in màu HP					39.750.000		3.975.000
522	Nồi luộc dụng cụ và đồng hồ đếm giờ (6c)			Đài Loan / Digisystem	BS 1836	9.450.000		945.000
523	Bảng ca đẩy bệnh nhân cấp cứu			Trung Quốc / Yongfa Medical	YFTC J2B / 2019	23.100.000		2.310.000
524	Bảng ca đẩy bệnh nhân cấp cứu			Trung Quốc / Yongfa Medical	YFTC J2B / 2019	23.100.000		2.310.000
525	Bảng ca đẩy bệnh nhân cấp cứu			Trung Quốc / Yongfa Medical	YFTC J2B / 2019	23.100.000		2.310.000
526	CPU Optiplex 3060SFF Intel Core i3, DDR4: 4GB, HDD: 1TB			Trung Quốc / Dell	Optiplex 3060SFF / 2019	12.240.000		1.224.000
527	Máy lắc Vortex SA8		R800012415	Trung Quốc / Cole-parmer (stuart)	SA8 / 2019	11.000.000		1.100.000
528	Tủ đông Alaska		4619ICE1279	Trung Quốc / Alaska	IF-25 / 2019	11.000.000		1.100.000
529	Tủ lạnh Electrolux 50 lít		00200903	Trung Quốc / Electrolux	EUM0500SB / 2018	2.790.000		279.000
530	Tủ lạnh Electrolux 50 lít		00200940	Trung Quốc / Electrolux	EUM0500SB / 2018	2.790.000		279.000
531	Tủ lạnh Electrolux 50 lít		00200872	Trung Quốc / Electrolux	EUM0500SB / 2018	2.790.000		279.000
532	Tủ lạnh Electrolux 50 lít		00200960	Trung Quốc / Electrolux	EUM0500SB / 2018	2.790.000		279.000
533	Tủ lạnh Electrolux 50 lít		00200875	Trung Quốc / Electrolux	EUM0500SB / 2018	2.790.000		279.000
534	CPU Optiplex 3060SFF Intel Core i3, DDR4: 4GB, HDD: 1TB		DKS8NX2	Trung Quốc / Dell	Optiplex 3060SFF / 2020	12.240.000		1.224.000
535	Giường tay 2 quay			Trung Quốc / Yongfa Medical	YFC 161L / 2020	9.650.000		965.000
536	Giường tay 3 quay			Trung Quốc / Yongfa Medical	YFC 161L / 2019	15.400.000		1.540.000
537	Giường tay 3 quay			Trung Quốc / Yongfa Medical	YFC 161L / 2019	15.400.000		1.540.000
538	Giường tay 3 quay			Trung Quốc / Yongfa Medical	YFC 161L / 2019	15.400.000		1.540.000
539	Máy theo dõi bệnh nhân Spo2		DBKA0009	Hàn Quốc / Bistos	BT-720 / 2019	19.950.000		1.995.000
540	Cửa cắt bột dùng điện		003977	Đức / Hebu	HB-8894 / 2020	15.120.000		1.512.000
541	CPU Optiplex 3070 Micro 42 OC37002 Intel Core i3-9700T, DDR4: 4GB, HDD: 500GB (1 ổ cứng SSD 250 GB-860EVO, dây HDMI)		CR9Y033	Malaysia / Dell	Optiplex 3070Micro / 2020	13.394.300		1.339.430
542	Màn hình vi tính LCD dell U2419H 23,8 inch		CNOGRHC5WSL00014CJ HW; CNOGRHC5WSL00014D DVW	Trung Quốc / Dell	U2419H 23,8" / 2019	6.886.000		688.600
543	Màn hình vi tính LCD dell U2419H 23,8 inch		CNOGRHC5WSL-00014DDVN	Trung Quốc / Dell	U2419H 23,8" / 2019	6.886.000		688.600
544	Máy theo dõi bệnh nhân Spo2		DEKA 0008	Hàn Quốc / Bistos	BT-720 / 2019	19.950.000		1.995.000
545	Máy theo dõi bệnh nhân Spo2		DEKA 0010	Hàn Quốc / Bistos	BT-720 / 2019	19.950.000		1.995.000
546	Máy đo Spo2 loại cầm tay (có bảo động)		502827276	Mỹ / Nonin	2500A / 2018	14.700.000		1.470.000
547	Máy ly tâm Spin-down Z130M		782060016	Hàn Quốc / Hermle	Z 130 M / 2020	11.495.000		1.149.500
548	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHC4D07055	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2019	7.707.480		770.748
549	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHC4F06971	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2019	7.707.480		770.748
550	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHC4F07092	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2019	7.707.480		770.748
551	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHC4F06717	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2019	7.707.480		770.748
552	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHC4F07077	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2019	7.707.480		770.748
553	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHC4D06924	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2019	7.707.480		770.748
554	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHC4D07079	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2019	7.707.480		770.748
555	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHC4F06983	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2019	7.707.480		770.748
556	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHC4D07052	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2019	7.707.480		770.748
557	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHC4F06973	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2019	7.707.480		770.748
558	Máy in mã vạch PC43T (có màn hình)		271C1930074	Trung Quốc / Intermec	PC43T / 2019	9.867.000		986.700
559	Máy in mã vạch PC43T (có màn hình)		271C1930096	Trung Quốc / Intermec	PC43T / 2019	9.867.000		986.700
560	Máy in mã vạch PC43T (có màn hình)		271C1930085	Trung Quốc / Intermec	PC43T / 2019	9.867.000		986.700
561	Máy in nhiệt Epson TM-T82 II		TCEY005060	Indonesia / Epson	TM-T82II / 2019	4.254.800		425.480
562	Máy in nhiệt Epson TM-T82 II		TCEY005360	Indonesia / Epson	TM-T82II / 2019	4.254.800		425.480
563	Máy quét mã vạch 2D có dây (có chân đế)		19316B09D1	Trung Quốc / Honeywell	Honeywell Xenon 1900 GSR / 2019	4.999.918		499.992

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
564	Máy quét mã vạch 2D có dây (co chân đế)		19316B09A9	Trung Quốc / Honeywell	Honeywell Xenon 1900 GSR / 2019	4.999.918		499.992
565	Máy quét mã vạch 2D có dây (co chân đế)		19316B09C3	Trung Quốc / Honeywell	Honeywell Xenon 1900 GSR / 2019	4.999.918		499.992
566	Máy quét mã vạch 2D có dây (co chân đế)		19316B099B	Trung Quốc / Honeywell	Honeywell Xenon 1900 GSR / 2019	4.999.918		499.992
567	Máy quét mã vạch 2D có dây (co chân đế)		19316B0A02	Trung Quốc / Honeywell	Honeywell Xenon 1900 GSR / 2019	4.999.918		499.992
568	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67C9J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
569	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67PCJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
570	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		6795J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
571	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67BCJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
572	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67P6J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
573	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67V5J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
574	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67CCJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
575	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67F7J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
576	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67L8J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
577	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		677DJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
578	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67D7J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
579	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67KDJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
580	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67GBJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
581	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67NBJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
582	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		676CJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
583	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		6857J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
584	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		6838J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
585	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		689DJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
586	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		6847J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
587	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		685CJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
588	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		683BJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
589	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		68BDJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
590	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		6877J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
591	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		68B7J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
592	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		68D8J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
593	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67H8J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
594	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		6776J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
595	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67SBJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
596	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67V9J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
597	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67B7J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
598	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		6769J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
599	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67M8J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
600	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67L5J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
601	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		67R8J23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
602	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		676BJ23	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2019	12.650.000		1.265.000
603	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		H9FXML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
604	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		H1CXML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
605	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		H66WML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
606	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		2GS0NL2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
607	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		2LS0NL2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
608	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		JN7WML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
609	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		48WYML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
610	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		3SXZML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
611	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		4F1XML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
612	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		3WHZML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
613	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		48HZML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
614	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		2KHZML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
615	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		2M5WML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
616	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		43WYML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
617	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		4B6WML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
618	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		3YXZML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
619	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		3T5WML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
620	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		3NFVML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
621	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		4GXYML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
622	Màn hình vi tính dell LCD 17" E1715S		4DVYML2	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2019	1.870.000		187.000
623	Màn hình vi tính LCD dell E1715S 17"		CN-OTMF4D-TV1009A903TU	Trung Quốc / Dell	E1715S / 2020	2.793.000		279.300
624	Máy theo dõi bệnh nhân Spo2 để bàn		DEKA 0012	Hàn Quốc / Bistos	BT-720 / 2019	19.950.000		1.995.000
625	Máy lạnh Daikin 2 cụm 1 HP		FTC25NV1V/E173798; RC25NV1V/E174670	Thái Lan / Daikin	FTC25NVV; RC25NVV / 2020	8.200.000		820.000
626	Máy lạnh Daikin 2 cụm 1 HP		FTC25NV1V/E173789; RC25NV1V/E173938	Thái Lan / Daikin	FTC25NVV; RC25NVV / 2020	8.200.000		820.000
627	Máy lạnh Daikin 2 cụm 1 HP		FTC25NV1V/E172398; RC25NV1V/E173389	Thái Lan / Daikin	FTC25NVV; RC25NVV / 2020	8.200.000		820.000
628	Máy lạnh Daikin 2 cụm 1 HP		FTC25NV1V/E173797; RC25NV1V/E173388	Thái Lan / Daikin	FTC25NVV; RC25NVV / 2020	8.200.000		820.000
629	Máy lạnh Daikin 2 cụm 1 HP		FTC25NV1V/E170298; RC25NV1V/E173303	Thái Lan / Daikin	FTC25NVV; RC25NVV / 2020	8.200.000		820.000
630	Máy in kim Epson LQ310		R9DY422078	Indonesia / Epson	LQ310 / 2020	4.995.000		499.500
631	Xe đẩy điều trị YFS-013			Trung Quốc / Yongfa Medical	YFS-013/20	8.800.000		880.000
632	Xe đẩy điều trị YFS-013			Trung Quốc / Yongfa Medical	YFS-013/20	8.800.000		880.000
633	Máy lạnh Daikin 2 cụm, 1,5HP		E017593/E007487	Thái Lan / Daikin	FTF35UV1V/RF35UV1V/2020	9.450.000		945.000
634	Máy lạnh Daikin 2 cụm, 1,5HP		E017589/E007491	Thái Lan / Daikin	FTF35UV1V/RF35UV1V/2020	9.450.000		945.000
635	Tủ gầm giường gỗ MDF (850x550x430) mm			Việt Nam	2020	3.750.000		375.000
636	Tủ thuốc gỗ MDF (800x400x1800) mm			Việt Nam	2020	5.250.000		525.000
637	Tủ gỗ MDF 17 ly (910x600x800)mm			Việt Nam	2020	3.723.000		372.300
638	CPU Optiplex 3070 Small form Factor, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 4GB, SSD: 128GB		GFJ8R33	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2020	16.040.000		1.604.000
639	Màn hình vi tính dell LCD 17"		C2XH782	Trung Quốc / Dell	S2419HGF/2020	6.600.000		660.000
640	Màn hình vi tính dell LCD 17"		FQRK782	Trung Quốc / Dell	S2419HGF/2020	6.600.000		660.000
641	Máy in HP laser Jet Pro trắng đen 2 mặt		PHCW420454	Philippines / HP	Pro M402DNe / 2020	6.650.000		665.000
642	Máy in mã vạch PC43T (có màn hình)		339C1930188	Trung Quốc / Hong Well	PC43T / 2020	10.050.000		1.005.000
643	Ghế sofa điện 1 chỗ			Việt Nam / Hưng Phát	AZN8+ / 2020	11.900.000		1.190.000
644	Ghế sofa điện 1 chỗ			Việt Nam / Hưng Phát	AZN8+ / 2020	11.900.000		1.190.000
645	Ghế sofa điện 1 chỗ			Việt Nam / Hưng Phát	AZN8+ / 2020	11.900.000		1.190.000
646	Máy Scan HP Scanjet Pro 35800F1			Trung Quốc / HP	L2741A / 2020	15.750.000		1.575.000
647	CPU Optiplex 3070 SFF, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 8GB, hdd 1tb, SSD: 250GB		2SK1X63	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2020	11.690.000		1.169.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước xuất xứ	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
648	CPU Optiplex 3070 SFF, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 8GB, hdd 1tb, SSD: 250GB		2SV1X63	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2020	11.690.000		1.169.000
649	CPU Optiplex 3070 SFF, Intel Core i3-9100 4.2GHz, DDR4: 8GB, hdd 1tb, SSD: 250GB		2G14X63	Malaysia / Dell	Optiplex 3070SFF / 2020	11.690.000		1.169.000
650	Máy in HP Color LaserJet Pro M254dw		VNC7G02528	HP/Trung Quốc	T6B60A	14.000.000		1.400.000
651	Máy nước nóng lạnh Panasonic			Panasonic/Malaysia	DH-4NP1VW	3.860.000		386.000
652	Giường bệnh 2 tay quay Jiangsu Yongfa Medical (210x98x55) cm			Jiangsu Yongfa Medical/Trung Quốc	YFC 261L	12.840.000		1.284.000
653	Giường bệnh 2 tay quay Jiangsu Yongfa Medical (210x98x55) cm			Jiangsu Yongfa Medical/Trung Quốc	YFC 261L	12.840.000		1.284.000
654	Giường bệnh 2 tay quay Jiangsu Yongfa Medical (210x98x55) cm			Jiangsu Yongfa Medical/Trung Quốc	YFC 261L	12.840.000		1.284.000
655	Giường bệnh 1 tay quay Jiangsu Yongfa Medical (213x96x55) cm			Jiangsu Yongfa Medical/Trung Quốc	YFC 161L	9.650.000		965.000
656	Máy theo dõi bệnh nhân Bistos BT-720	40258		Bistos/Hàn Quốc	BT-720	19.950.000		1.995.000
657	Máy theo dõi bệnh nhân Bistos BT-720	40259		Bistos/Hàn Quốc	BT-720	19.950.000		1.995.000
658	Tủ lạnh AQUA 143 lit		BL06L0E8Z01TZM3J0277	AQUA/Việt Nam	AQR-T150 FA(BS)	3.490.000		349.000
659	Băng ca đẩy bệnh nhân cấp cứu		2020110906	Jiangsu Yongfa Medical/Trung Quốc	YFTC-J2B	23.980.000		2.398.000
660	Băng ca đẩy bệnh nhân cấp cứu		2020110902	Jiangsu Yongfa Medical/Trung Quốc	YFTC-J2B	23.980.000		2.398.000
661	Xe đẩy điều trị YFS-013			Jiangsu Yongfa Medical/Trung Quốc	YFS-013	8.800.000		880.000
662	Tủ đông Sanaky 100 lit		019211903F126X2	Sanaky/Việt Nam	VH-150HY2	3.390.000		339.000
663	Máy lạnh Daikin 2 cụm 2 HP		E068990; E068336	Daikin/Thái Lan	N: RC50NV1V; L: FTC50NV1V	14.450.000		1.445.000
664	Máy lạnh Reetech 2 cụm 1 HP		20030412; 1201095001	Reetech/Việt Nam	RT9-TA-A	5.250.000		525.000
665	Mắt scan Epson DS-530		X2HBO1O298	Epson/Trung Quốc	DS-530	9.300.000		930.000
666	Máy lạnh casper 2 cụm 1 HP		IACK2101JU2SIO; OACK210RLBKDW	Casper/Thái Lan	KC09FC32	5.350.000		535.000
667	Máy lạnh casper 2 cụm 1 HP		IACK2101GUY7FO; OACK210AD1IFE	Casper/Thái Lan	KC09FC32	5.350.000		535.000
668	CPU Dell Optiplex 3080SFF Core i3-10100 (3.6GHz to 4.3GHz), DDR4: 4GB, SSD 256GB		792YWF3	Dell/Malaysia	Optiplex 3080 SFF	12.300.000		1.230.000
669	Màn hình vi tính philips 18,5 inch		ZV0A2130004975	Philips/Trung Quốc	193V5LHSB2/97	2.700.000		270.000
670	CPU Dell Optiplex 3080SFF Core i3-10100 (3.6GHz to 4.3GHz), DDR4: 4GB, SSD 256GB		GB2YWF3	Dell/Malaysia	Optiplex 3080 SFF	12.300.000		1.230.000
671	Màn hình vi tính philips 18,5 inch		ZV0A2130004916	Philips/Trung Quốc	193V5LHSB2/97	2.700.000		270.000
672	CPU Dell Optiplex 3080SFF Core i3-10100 (3.6GHz to 4.3GHz), DDR4: 4GB, SSD 256GB		G92YWF3	Dell/Malaysia	Optiplex 3080 SFF	12.300.000		1.230.000
673	Màn hình vi tính philips 18,5 inch		ZV0A2130004945	Philips/Trung Quốc	193V5LHSB2/97	2.700.000		270.000
674	Máy bơm tiêm tự động			Meditop Corporation (Malaysia) SDN.BHD./Malaysia	TOP-5530	29.303.347		2.930.335
675	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 1,5HP			Toshiba/Thái Lan		7.865.000		786.500
676	Máy lạnh Toshiba 2 cụm 1,5HP			Toshiba/Thái Lan		7.865.000		786.500
677	Máy in mã vạch (4c) và máy quét mã vạch					31.130.000		3.113.000
678	Máy Scan Fujitsu IX 1600		CD7H101164	Fujitsu/Trung Quốc	Fujitsu IX 1600	15.200.000		1.520.000
679	Máy lạnh Casper 2 cụm 1,5HP		L: IBCI2104EKM784; N: OBCI2104QBSDCE	Casper/Thái Lan	SC12FS32	7.830.500		783.050
680	Màn hình vi tính Dell LCD 17"		CJ1MTK3	Dell/Trung Quốc	E1916HV	3.338.000		333.800
681	CPU máy vi tính dell Optiplex 3080 Tower: Core i3-10105 (3.7GHz), Ram 16GB (2x8), SSD 256Gb		JFWX1L3	Dell/Malaysia	Optiplex 3080 Tower	19.804.200		1.980.420
682	Màn hình vi tính Dell LCD 27" 4K		3CM8270FW0	Dell/Trung Quốc	P2721Q	10.088.000		1.008.800
683	Máy in laserJet Enterprise HP		CNBRN4P1FQ	Dell/Trung Quốc	M607DN K0Q15A	19.978.200		1.997.820
684	Màn hình vi tính LCD Dell 18,5"		CFGLTK3	Dell/Trung Quốc	E1916 HV	3.595.000		359.500
685	Màn hình vi tính LCD Dell 18,5"		CVZMTK3	Dell/Trung Quốc	E1916HV	2.690.000		269.000
686	Màn hình vi tính LCD Dell 18,5"		F7LOMJ3	Dell/Trung Quốc	E1916HV	2.690.000		269.000
687	Máy lạnh 2 cụm 1,5 HP Casper LC-12FS33		IBCL2201RF8NKG0BCL 2201DVEFZT	Casper/Thái Lan	LC-12FS33	6.474.600		647.460
688	Máy lạnh 2 cụm 1,5 HP Casper LC-12FS33		IBCL22013W06S5; OBCL2201MON287	Casper/Thái Lan	LC-12FS33	6.474.600		647.460
689	Máy lạnh 2 cụm 1,5 HP Casper LC-12FS33		IBCL22010TEZXU; OBCL2201JZN3SV	Casper/Thái Lan	LC-12FS33	6.474.600		647.460
690	Máy lạnh 2 cụm 1,5 HP Casper LC-12FS33		IBCL22010M7C14; OBCL2201SCLNDP	Casper/Thái Lan	LC-12FS33	6.474.600		647.460
691	Máy lạnh Casper 2 cụm 2HP LC-18FS32		ICCL22016QLCKU OCCL22011MJ5EY	Casper/Thái Lan	LC-18FS32	10.835.000		1.083.500
692	Máy lạnh Casper 2 cụm 2HP LC-18FS32		ICCL2201DVKQZ1 OCCL2203NFGJQ6	Casper/Thái Lan	LC-18FS32	10.835.000		1.083.500
693	Màn hình vi tính LCD Dell 17"		2212MRDC7878	Dell/Trung Quốc	E1916 HV	2.690.000		269.000
694	Máy lạnh Casper 2 cụm 2HP		ICCL22C2QUNW06 ; OCCL2203ZH3GU	Casper/Thái Lan	LC18FS32	10.780.000		1.078.000
695	Thùng máy CPU vi tính lắp ráp Intel CoreTM i5-10400, Mainboard gigabyte H510M-H, DDR 16 GB, HDD 1TB, SSD 256GB- PQ3480			Việt Nam		14.005.200		1.400.520
696	Thùng máy CPU vi tính lắp ráp Intel CoreTM i5-10400, Mainboard gigabyte H510M-H, DDR 16 GB, HDD 1TB, SSD 256GB- PQ3480			Việt Nam		14.005.200		1.400.520
697	Thùng máy CPU vi tính lắp ráp Intel CoreTM i5-10400, Mainboard gigabyte H510M-H, DDR 16 GB, HDD 1TB, SSD 256GB- PQ3480			Việt Nam		14.005.200		1.400.520
698	Máy in mã vạch ZD421T		D6J224002978	Zebra/Trung Quốc	ZD421T	8.580.000		858.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước sản xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
699	Máy in mã vạch ZD421T		D6J224004655	Zebra/Trung Quốc	ZD421T	8.580.000		858.000
700	Máy in mã vạch ZD421T		D6J224001677	Zebra/Trung Quốc	ZD421T	8.580.000		858.000
701	Màn hình vi tinh LCD 19,5 in		BG0XLH3	Dell/Trung Quốc	E2016HV	3.063.060		306.306
702	Xe đẩy điều trị			Dongguan Great Innovating/Trung Quốc	GI-56S	11.000.000		1.100.000
703	Xe đẩy điều trị			Dongguan Great Innovating/Trung Quốc	GI-56S	11.000.000		1.100.000
704	Máy đọc mã vạch Honeywell 1950GSR			Honeywell/Trung Quốc	1950GSR	4.675.000		467.500
705	Máy in trắng đen 2 mặt HP		PHFXF35579	HP/Trung Quốc	Pro M404dn W1A53A	7.540.000		754.000
706	Thùng máy vi tinh Dell		B8JGGR3	Dell/Malaysia	Optiplex 3090 SFF	15.569.400		1.556.940
707	Màn hình vi tinh dell 17"		G24YZF3	Dell/Trung Quốc	E2016HV	2.993.100		299.310
708	Giường khám bệnh gỗ MDF (190x750x56) cm			Việt Nam		4.860.000		486.000
709	Giường khám bệnh gỗ MDF (190x750x56) cm			Việt Nam		4.860.000		486.000
710	Giường khám bệnh gỗ MDF (190x750x56) cm			Việt Nam		4.860.000		486.000
711	Giường khám bệnh gỗ MDF (190x750x56) cm			Việt Nam		4.860.000		486.000
712	Giường khám bệnh gỗ MDF (180x70x56) cm			Việt Nam		4.680.000		468.000
713	Giường khám bệnh gỗ MDF (180x70x56) cm			Việt Nam		4.680.000		468.000
714	Giường khám bệnh gỗ MDF (180x70x56) cm			Việt Nam		4.680.000		468.000
715	Máy lạnh Casper 2 cụm 1HP		1060224L3XU6Z; OACL2202WFUBMX	Casper/Thái Lan	LC09FS33	6.537.300		653.730
716	Màn hình vi tinh LCD Dell 18.5"		709JFM3	DELL/Trung Quốc	E1916HV	2.735.700		273.570
717	Màn hình vi tinh LCD Dell 18.5"; E1916HV		1GTX7L3	DELL/Trung Quốc	E1916HV	2.805.000		280.500
718	Máy in HP LaserJet Pro M404dn		PHFBH01278	HP/Trung Quốc	M404dn	7.799.000		779.900
719	Máy in HP LaserJet Pro M404dn		PHFBG01326	HP/Trung Quốc	M404dn	7.799.000		779.900
720	CPU máy vi tinh HP Core i3-12100, Ram 8GB, SSD: 256GB;		4CE247CYYV	HP/Trung Quốc	HP M01-F2029d	12.716.000		1.271.600
721	Màn hình vi tinh LCD HP 19.5"		3CQ2070861	HP/Trung Quốc	V20 HD	2.827.000		282.700
722	CPU máy vi tinh HP Core i3-12100, Ram 8GB, SSD: 256GB; DDR4: 8GB		4CE247CYT7	HP/Trung Quốc	HP M01-F2029d	13.513.500		1.351.350
723	Màn hình vi tinh LCD HP 19.5"		3CQ232072R	HP/Trung Quốc	V20 HD	2.827.000		282.700
724	Máy in mã vạch Zebra		D5J223816678	Zebra/Trung Quốc	ZD230	4.996.200		499.620
725	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm 2-8 độ		BE06MAEAQ00QENB40 001	Qingdao haier biomedical/Trung Quốc	HYC-390	29.800.000		2.980.000
726	Máy hàn miệng túi tự động			Yamafuji/Nhật	FR900V	6.900.000		690.000
727	Màn hình vi tinh Dell LCD 18,5 WHD-3Y		CN-0566XN-FCC00-32S- CLEB	Dell/Trung Quốc	E1920H	2.380.000		238.000
728	Màn hình vi tinh LCD Dell 23.5"		CN-04WX6Y-FCC00-346- A2MX	Dell/Trung Quốc	SE2422H	3.690.000		369.000
729	CPU Intel Core i3-12100 (4.3GHz/12MB) DDR4 8GB, SSD 256GB		28P3PT3	Dell/Malaysia	OptiPlex 3000SFF	12.390.000		1.239.000
730	Màn hình vi tinh Dell 23.8"		CN04WX6YFCC0029UA9 4X	Dell/Trung Quốc	SE2422H	3.690.000		369.000
731	CPU Intel Core i3-12100 (4.3GHz/12MB) DDR4 8GB, SSD 256GB		G5P3PT3	Dell/Malaysia	OptiPlex 3000SFF	12.390.000		1.239.000
732	Màn hình vi tinh Dell 23.8"		CN04WX6YFCC0029UC WNX	Dell/Trung Quốc	SE2422H	3.690.000		369.000
733	CPU Intel Core i3-12100 (4.3GHz/12MB) DDR4 8GB, SSD 256GB		8FN3PT3	Dell/Malaysia	OptiPlex 3000SFF	12.390.000		1.239.000
734	Màn hình vi tinh Dell 23.8"		CN04WX6YFCC0029UC K3X	Dell/Trung Quốc	SE2422H	3.690.000		369.000
735	Máy in nhiệt Epson		X7B9028007	Epson/Philippines	TM-T82III	4.390.000		439.000
736	Máy in HP Laser trắng đen	PR-0159	PHCBG03846	HP/Philippines	Pro M406DN	8.100.000		810.000
737	Máy in HP Laser trắng đen	PR-0160	PHCBG03636	HP/Philippines	Pro M406DN	8.100.000		810.000
738	Máy in HP Laser trắng đen	PR-0161	PHCBG02965	HP/Philippines	Pro M406DN	8.100.000		810.000
739	Máy in HP Laser trắng đen	PR-0162	PHCBG03661	HP/Philippines	Pro M406DN	8.100.000		810.000
740	Máy in HP Laser trắng đen	PR-0163	PHCBG03830	HP/Philippines	Pro M406DN	8.100.000		810.000
741	Máy in HP Laser trắng đen	PR-0164	PHCBG03832	HP/Philippines	Pro M406DN	8.100.000		810.000
742	Bộ trữ lạnh điều trị giảm đau có bơm áp Cryo/Cuff			DJO, LLC/Mexico	52A	11.000.000		1.100.000
743	Bộ trữ lạnh điều trị giảm đau có bơm áp Cryo/Cuff			DJO, LLC/Mexico	52A	11.000.000		1.100.000
744	Bao quần thất lưng Cryo/Cuff			DJO, LLC/Mexico	14A01	4.000.000		400.000
745	Bao quần gối sezi L Cryo/Cuff			DJO, LLC/Mexico	11B01	4.000.000		400.000
746	Bao quần gối sezi L Cryo/Cuff			DJO, LLC/Mexico	11B01	4.000.000		400.000
747	Bao quần vai Cryo/Cuff			DJO, LLC/Mexico	12A01	5.500.000		550.000
748	Bao quần cổ chân Cryo/Cuff			DJO, LLC/Mexico	10A01	4.000.000		400.000
749	Máy quét mã vạch Zebra DS9308		22311523702166	Zebra/Việt Nam	DS9308	4.300.000		430.000
750	Màn hình vi tinh Dell 23,8 inch; SE2422H		CN-04WX6Y-FCC00-36Q- A0NX	Dell/Trung Quốc	SE2422H	3.690.000		369.000
751	CPU Intel Core i3-12100 (3.30GHz-4.3GHz) DDR4: 8GB, SSD 256GB M.2; OptiPlex 3000SFF	PC-0240	F5P3PT3	Dell/Malaysia	OptiPlex 3000SFF	12.390.000		1.239.000
752	Màn hình vi tinh Dell 23,8 inch; SE2422H	MN-0240	CN-04WX6YFCC00-29U- CUVX	Dell/Trung Quốc	SE2422H	3.690.000		369.000
753	Máy Scan Epson, DS-530II	SC-0039	XWQ7003915	Epson/Indonesia	DS-530II	8.600.000		860.000
754	Máy in màu Laser HP; Pro M255dw	PR-0167	VNC4103248	HP/Việt Nam	Pro M255dw	11.880.000		1.188.000

Số TT	LOẠI - TÊN & KÝ HIỆU TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	Mã tài sản	Số seri (S/N)	Hãng sản xuất / Nước xuất	Model	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị bảo hiểm
755	Máy in màu Laser HP; Pro M255dw	PR-0168	VNC4103241	HP/Việt Nam	Pro M255dw	11.880.000		1.188.000
756	Màn hình vi tính Dell 23,8 inch; SE2422H	MN-0242	CN-04WX6Y-FCC00-37C-CFJX	Dell/Trung Quốc	SE2422H	3.600.000		360.000
757	Máy lạnh Casper 2 cụm 1.5HP		1058236HDOJ8R; 2058236IAQYKV	Casper/Thái Lan	SC-12FS33	7.401.875		740.188
758	Máy lạnh Casper 2 cụm 1.5HP		1058236C7YKXU; 2058236IAXOVD	Casper/Thái Lan	SC-12FS33	7.401.875		740.188
759	Máy lạnh Casper 2 cụm 1.5HP		1058236VZUH8Q; 2058236IB2DKS	Casper/Thái Lan	SC-12FS33	7.401.875		740.188
760	Máy lạnh Casper 2 cụm 1.5HP		1058236WIU5S; 2058236IB1IAB	Casper/Thái Lan	SC-12FS33	7.401.875		740.188
761	Máy lạnh Casper 2 cụm 1.5HP		1058236U3D5Q8; 2058236IAXCOW	Casper/Thái Lan	SC-12FS33	7.401.875		740.188
762	Máy lạnh Casper 2 cụm 1.5HP		1058236BMG7A4; 2058236ISJ2U3	Casper/Thái Lan	SC-12FS33	7.401.875		740.188
763	Máy lạnh Casper 2 cụm 1.5HP		1058236BAOS9F; 2058236IAYMQQ	Casper/Thái Lan	SC-12FS33	7.401.875		740.188
764	Máy lạnh Casper 2 cụm 2.0HP		1018236NXLA9G; 2018236XCD9S1	Casper/Thái Lan	SC-18FS32	10.901.875		1.090.188
765	Máy lạnh Casper 2 cụm 2.0HP		10182369OD9D0; 2018236TCOXLJ	Casper/Thái Lan	SC-18FS32	10.901.875		1.090.188
766	Máy lạnh Casper 2 cụm 2.0HP		10182369DU9NN; 2018236TJNZWT	Casper/Thái Lan	SC-18FS32	10.901.875		1.090.188
767	Máy lạnh Casper 2 cụm 2.0HP		1018236ISSW0L; 2018236XCBHL2	Casper/Thái Lan	SC-18FS32	10.901.875		1.090.188
768	Máy lạnh Casper 2 cụm 2.0HP		1018236KPIQXO; 2018236THVIPO	Casper/Thái Lan	SC-18FS32	10.901.875		1.090.188
769	Máy lạnh Casper 2 cụm 2.0HP		10182369OFM6P; 2018236WDGQT7	Casper/Thái Lan	SC-18FS32	10.901.875		1.090.188
770	Máy lạnh Casper 2 cụm 2.0HP		1018236HC1ZRG; 2018236W9XPWS	Casper/Thái Lan	SC-18FS32	10.901.875		1.090.188
771	Máy lạnh Casper 2 cụm 2.0HP		1018236RR1514; 2018236XPBKMY	Casper/Thái Lan	SC-18FS32	10.901.875		1.090.188
772	Máy lạnh Casper 2 cụm 2.0HP		1018236775LFD; 2018236T0QLULA	Casper/Thái Lan	SC-18FS32	10.901.875		1.090.188
773	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm		BE06M AEAQ0 0QEP7 C0023	Qingdao Haler biomedical/Trung Quốc	HYC-390	29.800.000		2.980.000
774	Màn hình vi tính Dell Monitor; E2219HN		061932-68	Dell/Trung Quốc	E2219HN	2.530.000		253.000
775	Máy nóng lạnh trực tiếp Ariston		318051884232773196803	Ariston/Việt Nam	AN230R2.5FE-MT	3.190.000		319.000
776	Tủ lạnh LG 212 lít		312VNZCOL221	LG/Việt Nam	GV-B212WB	4.740.000		474.000
777	Máy in phun màu Epson; S5390	PR-0173	XBKJ000544	Epson/Indonesia	C5390	10.780.000		1.078.000
778	Máy in phun màu Epson; L8050	PR-0172	XB52009229	Epson/Indonesia	L8050	7.826.500		782.650
779	Máy quét mã vạch, Zebra DS9308	SC-0041	23277523700821	Zebra/Việt Nam	DS9308	3.201.000		320.100
780	Máy quét mã vạch, Zebra DS9308	SC-0042	23277523700641	Zebra/Việt Nam	DS9308	3.201.000		320.100
781	Máy quét mã vạch, Zebra DS9308	SC-0043	23277523700691	Zebra/Việt Nam	DS9308	3.201.000		320.100
782	Máy quét mã vạch, Zebra DS9308	SC-0044	23277523700830	Zebra/Việt Nam	DS9308	3.201.000		320.100
783	Máy quét mã vạch, Zebra DS9308	SC-0046	23277523700817	Zebra/Việt Nam	DS9308	3.201.000		320.100
784	Máy quét mã vạch, Zebra DS9308	SC-0047	23277523700991	Zebra/Việt Nam	DS9308	3.201.000		320.100
785	Máy quét mã vạch, Zebra DS9308	SC-0048	23277523700738	Zebra/Việt Nam	DS9308	3.201.000		320.100
786	Máy quét mã vạch, Zebra DS9308	SC-0049	23277523700822	Zebra/Việt Nam	DS9308	3.201.000		320.100
787	Máy quét mã vạch, Zebra DS9308	SC-0045	23277523701002	Zebra/Việt Nam	DS9308	3.201.000		320.100
788	Máy hút ẩm Kosmen KM-12N		DRS20230210K	Kosmen/Trung Quốc	KM-12N	4.598.000		459.800
789	Màn hình vi tính MIS LCD 15,6"; Pro MP161 E2	MN-0249	PB7H203B00602	MIS/Trung Quốc	Pro MP161 E2	3.700.000		370.000
790	Màn hình vi tính MIS LCD 15,6"; Pro MP161 E2	MN-0250	PB7H203B00645	MIS/Trung Quốc	Pro MP161 E2	3.700.000		370.000
791	Máy quét mã vạch không dây; DS2278	SC-0050	22323523411025	ZEBRA/Trung Quốc	DS2278	4.980.000		498.000
792	Đèn cho bàn khám phụ khoa; GLU-1			K SCOPE/Hàn Quốc	GLU-1	9.900.000		990.000
793	Tài sản hàng hoá, vật tư trong kho (Kho thuốc, kho chính, kho thuốc BHYT, hóa chất xét nghiệm, nhà thuốc, kho vật tư y tế tiêu hao, kho vật tư thông dụng, kho vật tư theo máy, cơ sở thuốc, vtyt, hóa chất tại các khoa)					39.212.252.107		39.212.252.107
TỔNG CỘNG						131.458.471.861	24.544.226.042	66.343.116.649